

QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT THỌ KÝ KINH

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 371

Hán dịch: Sa-môn Đàm-vô-kiệt
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiền
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (08-2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】 大正新脩大藏經 第十二冊 No. 371 《觀世音菩薩授記經》

【Kinh văn tu tân】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 371 《Quán Thế Âm Bồ-tát thọ kí Kinh》

【Kinh văn tu tân】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 371 《Quán-Thế-Âm Bồ-tát thọ kí Kinh》

【版本記錄】 CBETA 電子佛典 V1.10 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/14

【bản bản kí lục】 CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/14

【bản gốc kí lục】 CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/14

【編輯說明】 本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】 bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】 gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】 蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】 Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tu liệu】 Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】 本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】

(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】 bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt **【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】** (<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】 gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nhỏ nội dung thỉnh tham duyệt **【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】** (<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====

=====

=====

觀世音菩薩授記經

Quán Thế Âm Bồ-tát thọ kí Kinh
[Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Thọ kí](#)

宋黃龍國沙門曇無竭譯

tổng hoàng long quốc Sa Môn đàm vô kiệt dịch
Sa-môn Đàm-vô-kiệt, người xứ Hoàng Long, dịch vào đời Tống

如是我聞。一時佛在波羅奈仙人鹿苑中。

như thị ngã văn 。 nhất thời Phật tại ba la nại Tiên nhân lộc uyển trung 。
Tôi nghe như vậy, một thuở đức Phật ở trong vườn Nai thuộc xứ Ba-la-nại,
與大比丘眾二萬人俱。菩薩萬二千。

dữ Đại bi khâu chúng nhị vạn nhân câu 。 Bồ-tát vạn nhị thiên 。
cùng với hai ngàn đại Tỳ-kheo câu hội, có một vạn hai ngàn vị đại Bồ-tát,
其名曰師子菩薩。師子意菩薩。安意菩薩。無喻意菩薩。

kỳ danh viết Su-tử Bồ-tát 。 Su-tử ý Bồ-tát 。 an ý Bồ-tát 。 vô dụ ý Bồ-tát 。
Tên các vị ấy là Bồ-tát Su Tử, Bồ-tát An Ý, Bồ-tát Vô Dụ Ý.

持地菩薩。般羅達菩薩。神天菩薩。

trì địa Bồ-tát 。 bát la đạt Bồ-tát 。 Thần Thiên Bồ-tát 。
Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Bát La Đạt, Bồ-tát Thần Thiên

實事菩薩。伽睺多菩薩。賢力菩薩。明天菩薩。

thật sự Bồ-tát 。 đà hầu đa Bồ-tát 。 hiền lực Bồ-tát 。 minh thiên Bồ-tát 。
Bồ-tát Thật Sự, Bồ-tát Đa-hầu-da, Bồ-tát Hiền Lực, Bồ-tát Minh Thiên

愛喜菩薩。文殊師利菩薩。智行菩薩。專行菩薩。

ái hi Bồ-tát 。 Văn-thù-su-lợi Bồ-tát 。 trí hành Bồ-tát 。 chuyên hành Bồ-tát 。
Bồ-tát Ái Hi, Bồ-tát Văn-thù-su-lợi, Bồ-tát Trí Hành, Bồ-tát Chuyên Hành

現無礙菩薩。彌勒菩薩。如是等上首。

hiện vô ngại Bồ-tát 。 Di-lặc Bồ-tát 。 như thị đẳng thượng thủ 。
Bồ-tát Hiện Vô Ngại, Bồ-tát Di-lặc, các vị này là người đứng đầu

菩薩摩訶薩萬二千人俱。復有二萬天子。善界天子。

Bồ-tát Ma-Ha tát vạn nhị thiên nhân câu 。 phục hữu nhị vạn thiên tử 。 thiện giới
Thiên tử 。

một vạn hai ngàn Bồ-tát Ma-ha-tát. Lại có hai vạn thiên tử, mà Thiện Giới thiên
tử,

善住天子等。以為上首。皆住大乘。爾時世尊。

thiện trụ Thiên tử đẳng. dĩ vi thượng thủ. giai trụ Đại thừa. nhĩ thời Thế tôn.
Thiện Trụ thiên tử là những người đứng đầu, tất cả đều an trụ nơi đạo Đại thừa.
Lúc bấy giờ đức Thế Tôn

與無量百千眷屬圍遶而為說法。爾時會中。

dữ vô lượng bách thiên quyến chúc vi nhiểu nhi vi thuyết Pháp. nhĩ thời hội
trung 。

thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn quyến thuộc đang vây quanh. Lúc bấy giờ trong
hội

有一菩薩。名華德藏。即從坐起偏袒右肩。

hữu nhất Bồ-tát 。 danh hoa đức tạng 。 tức tùng tọa khởi Thiên đản hữu kiên 。
có vị Bồ-tát tên là Hoa Đức Tạng, từ chỗ ngồi đứng dậy trịch áo bày vai hữu,
右膝著地合掌向佛。而作是言。惟願世尊。

hữu tất trú địa hợp chuông hướng Phật 。 nhi tác thị ngôn 。 duy nguyện Thế tôn 。
gối hữu chằm đất, chấp tay hướng Phật mà thưa rằng: Xin nguyện Thế Tôn

賜我中間。欲有所問。佛告華德藏菩薩。恣汝所問。

tứ ngã trung gian. dục hữu sở vấn. Phật cáo hoa đức tạng Bồ-tát. tứ nữ sở vấn. từ bi hứa khả con có điều muốn hỏi: Phật bảo Bồ-tát Hoa Đức Tạng rằng: Tùy ý ông hỏi,

諸有疑者吾已知之。當為解說令汝歡喜。

chư hữu nghi giả ngô dĩ tri chi. đương vi giải thuyết lệnh nữ hoa hi. các chỗ nghi ngờ Ta đã biết hết, Ta sẽ vì Ông giải nghĩa khiến được hoan hỷ.

爾時華德藏白佛言。世尊。菩薩摩訶薩。

nhĩ thời hoa đức tạng bạch Phật ngôn. Thế tôn. Bồ-tát Ma-Ha tát. Lúc ấy Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát

云何不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。及五神通。

vân hà bất thối chuyển u a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. cập ngũ Thần thông. làm sao không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, được năm thứ thần thông,

得如幻三昧以善方便能化其身。

đắc như huyễn tam-muội dĩ thiện phương tiện năng hóa kỳ thân. đắc Tam-muội như huyễn, dùng phương tiện khéo léo để biến hoá thân,

隨眾形類所成善根。而為說法。

tùy chúng hình loại sở thành thiện căn. nhi vi thuyết Pháp. tùy theo các hình loại mà thuyết pháp khiến căn lành thành tựu,

令得阿耨多羅三藐三菩提。

lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

佛告華德藏菩薩摩訶薩。善哉善哉。

Phật cáo hoa đức tạng Bồ-tát Ma-Ha tát. Thiện tai Thiện tai. Phật bảo Hoa Đức Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát rằng: Lành thay lành thay,

能於如來等正覺前。問如是義。汝華德藏。

năng u Như-Lai đẳng chánh giác tiền. vấn như thị nghĩa. nữ hoa đức tạng. Ông có thể ở trước đức Như Lai chánh giác mà hỏi nghĩa như vậy.

已於過去諸佛。殖諸善根。

dĩ u quá khứ chư Phật. thực chư thiện căn. Ông đã ở nơi chư Phật quá khứ mà gieo các căn lành

供養無數百千萬億諸佛世尊。於諸眾生興大悲心。善哉華德藏。

cung dưỡng vô số bách thiên vạn ức chư Phật Thế tôn. u chư chúng sanh hung Đại bi tâm. Thiện tai hoa đức tạng.

cúng dường vô số trăm ngàn vạn ức chư Phật Thế Tôn, khởi tâm đại từ bi đối với tất cả chúng sanh. Lành thay! Hoa Đức Tạng,

諦聽諦聽。善思念之。當為汝說。對曰唯然願樂欲聞。

đế thính đế thính. thiện tư niệm chi. đương vi nữ. đối viết duy nhiên nguyện lạc dục văn.

hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói. Hoa Đức Tạng thưa: Vậy, bạch Thế Tôn con xin muốn nghe

佛告華德藏菩薩摩訶薩。

Phật cáo hoa đức tạng Bồ-tát Ma-Ha tát. Phật bảo Hoa Đức Tạng: Bồ-tát Ma-ha-tát

成就一法得如幻三昧。得是三昧。以善方便能化其身。

thành tựu nhất Pháp đặc như huyễn tam-muội . đặc thị tam-muội . dĩ thiện phương
tiện năng hóa kỳ thân .
thành tựu một pháp đặc Tam-muội như huyễn, đặc Tam-muội rồi dùng phương tiện
khéo léo mà biến hoá thân,

隨眾形類所成善根。而為說法。

tùy chúng hình loại sở thành thiện căn . nhi vì thuyết Pháp .
tùy theo các hình loại mà thuyết pháp khiến thành tựu căn lành,

令得阿耨多羅三藐三菩提。何等一法。謂無依止。不依三界。

lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề . hà đẳng nhất Pháp . vị vô y chỉ . bất y
tam giới .

khiến đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nào là một pháp? Đó là không
có nương dựa, không nương dựa ba cõi,

亦不依內。又不依外。於無所依得正觀察。

diệc bất y nội . hựu bất y ngoại . ư vô sở y đắc chánh quán sát .
không nương dựa bên trong, cũng không nương dựa bên ngoài, ở nơi không chỗ nương
dựa mà chánh quán sát,

正觀察已便得正盡。而於覺知無所損減。

chánh quán sát dĩ tiện đắc chánh tận . nhi ư giác tri vô sở tổn giảm .
chánh quán sát rồi liền đắc chánh huệ, mà nơi chỗ hay biết không có thuyên giảm

以無減心悉度正慧。謂一切法從緣而起。虛假而有。

dĩ vô giảm tâm tất độ chánh tuệ . vị nhất thiết Pháp tông duyên nhi khởi . hư
giả nhi hữu .

do không thuyên giảm nên tâm độ được chánh huệ, nghĩa là tất cả pháp từ duyên mà
khởi, do giả danh mà có

一切諸法因緣而生。若無因緣無有生法。

nhất thiết chư Pháp nhân duyên nhi sanh. nhược vô nhân duyên vô hữu sanh Pháp.
tất cả pháp do duyên mà sanh, nếu không có nhân duyên thì không có sanh pháp

雖一切法從因緣生。而無所生。

tuy nhất thiết Pháp tông nhân duyên sanh . nhi vô sở sanh .
tuy tất cả pháp từ nhân duyên sanh mà thật không có chỗ sanh.

如是通達無生法者。得入菩薩真實之道。亦名得入大慈悲心。

như thị thông đạt vô sanh Pháp giả . đắc nhập Bồ-tát chân thật chi đạo . diệc
danh đắc nhập Đại từ bi tâm .

Như vậy người thông đạt vô sanh pháp thì thâm nhập đạo chân thật của Bồ-tát,
cũng gọi là đắc nhập tâm đại từ bi

憐愍度脫一切眾生。善能深解如是義已。

liên mẫn độ thoát nhất thiết chúng sanh thiện năng thâm giải như thị nghĩa dĩ.
thương xót độ thoát tất cả chúng sanh, khéo hiểu sâu ý nghĩa như vậy rồi,

則知一切諸法如幻。但以憶想語言造化法耳。

tắc tri nhất thiết chư Pháp như huyễn . dẫn dĩ ức tưởng ngữ ngôn tạo hóa Pháp
nhĩ .

thì biết tất cả các pháp như huyễn, chỉ vì nhớ tưởng nói năng mà tạo ra pháp
biến hoá mà thôi.

然此憶想語言造化諸法。究竟悉空。

nhiên thử ức tưởng ngữ ngôn tạo hóa chư Pháp . cứu cánh tất không .

Nhưng các pháp nhớ nghĩ nói năng tạo hoá rốt ráo đều là không

善能通達諸法空已。是名逮得如幻三昧。得三昧已。

thiện năng thông đạt chư Pháp không dĩ. thị danh dãi đắc như huyễn tam-muội .

đắc tam-muội dĩ .

khéo thông đạt các pháp không rồi, đó gọi là mau đắc Tam-muội như huyễn, đắc Tam-muội rồi,

以善方便能化其身。隨眾形類而成善根。

Dĩ thiện phương tiện năng hóa kỳ thân. tùy chúng hình loại nhi thành thiện căn dùng phương tiện khéo léo để biến hoá thân, tùy theo các hình loại mà

而為說法。令得阿耨多羅三藐三菩提。

nhi vi thuyết Pháp . lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề .

thuyết pháp khiến thành tựu căn lành, khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

爾時華德藏菩薩摩訶薩。白佛言世尊。

nhĩ thời hoa đức tạng Bồ-tát Ma-Ha tát . bạch Phật ngôn Thế tôn .

Lúc bấy giờ Hoa Đức Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

於此眾中。頗有菩薩得是三昧乎。佛言有。

ư thử chúng trung . pha hữu Bồ-tát đắc thị tam-muội hồ . Phật ngôn hữu .

ở trong chúng đây có Bồ-tát chúng Tam-muội này không? Phật đáp: Có

今是會中。彌勒菩薩文殊師利等六十正士。

kim thị hội trung . Di-lặc Bồ-tát Văn-thù-su-lợi đẳng lục thập chánh sĩ .

nay trong hội này có Bồ-tát Di-lặc, Văn-thù-su-lợi... cả thầy sáu mươi vị Đại Sĩ,

不可思議大誓莊嚴。得是三昧。又白佛言世尊。

bất khả tư nghị Đại thệ trang nghiêm . đắc thị tam-muội . hựu bạch Phật ngôn Thế tôn .

có đại thệ nguyện trang nghiêm không thể nghĩ bàn và đã đắc Tam-muội này. Hoa Đức Tạng lại thưa: Bạch Thế Tôn,

唯此世界菩薩得是三昧。他方世界復有菩薩。

duy thử thế giới Bồ-tát đắc thị tam-muội. tha phương thế giới phục hữu Bồ-tát.

chỉ có Bồ-tát nơi thế giới này đắc Tam-muội, còn Bồ-tát nơi thế giới phương khác

成就如是如幻三昧。佛告華德藏。

thành tựu như thị như huyễn tam-muội . Phật cáo hoa đức tạng .

có thành tựu Tam-muội như huyễn này chẳng. Phật dạy: Hoa Đức Tạng.

西方過此億百千刹。有世界名安樂。其國有佛。

Tây phương quá thử ức bách thiên sát. hữu thế giới danh an lạc. kỳ quốc hữu Phật.

Về phía Tây cách đây trăm ngàn ức cõi, có thế giới tên là An Lạc, cõi đó có Phật

號阿彌陀如來應供正遍知。今現在說法。彼有菩薩。

hiệu A-di-đà Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri. kim hiện tại thuyết Pháp. bi hữu Bồ-tát .

hiệu là A-di-đà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri hiện nay đang thuyết pháp. Lại có hai vị Bồ-tát

一名觀世音。二名得大勢。得是三昧。復次華德藏。

nhất danh Quán Thế Âm . nhị danh đắc Đại thệ . đắc thị tam-muội . phục thứ hoa đức tạng .

tên là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đăc Tam-muội này. Lại nữa, Hoa Đức Tạng

若有菩薩。從彼正士。七日七夜聽受是法。

nhược hữu Bồ-tát 。 tòng bi chánh sĩ 。 thất nhật thất dạ thính thọ thị Pháp 。
nếu có Bồ-tát nào từ nơi hai vị Bồ-tát kia lãnh thọ pháp này trong bảy ngày bảy
đêm

便速得如幻三昧。華德藏菩薩。白佛言世尊。

tiện đăi đăc như huyễn tam-muội 。 hoa đức tạng Bồ-tát 。 bạch Phật ngôn Thế tôn 。
thì sẽ nhanh chóng đăc Tam-muội như huyễn. Bồ-tát Hoa Đức Tạng lại bạch Phật
rằng: Bạch Thế Tôn,

彼國應有無量菩薩得是三昧。何以故。

bỉ quốc ứng hữu vô lượng Bồ-tát đăc thị tam-muội 。 hà dĩ cố 。
cõi kia nên có vô lượng Bồ-tát đăc Tam-muội này, tại vì sao

其餘菩薩生彼國者。皆當往至彼正士所。聽受是法。

kỳ dư Bồ-tát sanh bỉ quốc giả 。 giai đương vãng chí bỉ chánh sĩ sở 。 thính thọ
thị Pháp 。

vì các Bồ-tát sanh về nước ấy đều đến chỗ hai vị Bồ-tát Quán Âm và Thế Chí để
nghe pháp này.

佛言。如是如是。如汝所言。

Phật ngôn 。 như thị như thị 。 như nhữ sở ngôn 。

Phật dạy: Đúng vậy đúng vậy, như lời ông nói,

有無量阿僧祇菩薩摩訶薩。從彼正士得是三昧。花德藏菩薩。

hữu vô lượng a tăng kỳ Bồ-tát Ma-Ha tát 。 tòng bi chánh sĩ đăc thị tam-muội 。

hoa đức tạng Bồ-tát 。

có vô lượng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, a-tăng-kỳ Bồ-tát Ma-ha-tát từ nơi
hai vị Bồ-tát ấy mà đăc Tam-muội. Bồ-tát Hoa Đức Tạng

白佛言。善哉世尊。如來應供正遍知。

bạch Phật ngôn 。 Thiện tai Thế tôn 。 Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri 。

bạch Phật rằng: Lành thay Thế Tôn, Như Lai Ứng Chánh Biến Tri

願以神力。令彼正士至此世界。又令彼此兩得相見。

nguyện dĩ Thần lực 。 lệnh bỉ chánh sĩ chí thữ thế giới 。 hựu lệnh bỉ thữ lượng
đăc tướng kiến 。

xin Ngài dùng thần lực khiến hai vị Bồ-tát ấy đến thế giới này, khiến hai bên
cùng được thấy nhau.

何以故。以彼正士至此剎故。善男子善女人。

hà dĩ cố 。 dĩ bỉ chánh sĩ chí thữ sát cố 。 thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Tại vì sao? Vì hai vị Bồ-tát ấy đến cõi này, có thiện nam tử thiện nữ nhơn

成善根者。聞其說法得是三昧。

thành thiện căn giả 。 văn kỳ thuyết Pháp đăc thị tam-muội 。

thành tựu căn lành, khi nghe Bồ-tát thuyết pháp ấc đăc Tam-muội này.

又願見彼安樂世界阿彌陀佛。令此善男子善女人。

hựu nguyện kiến bỉ an lạc thế giới A-di-đà Phật 。 lệnh thữ thiện nam tử Thiện Nữ
Nhân 。

Lại nguyện thấy Phật A-di-đà nơi thế giới An Lạc, khiến thiện nam tử thiện nữ
nhơn

發阿耨多羅三藐三菩提心。願生彼國。生彼國已。

phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm. nguyện sanh bi quốc. sanh bi quốc dĩ.
phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện sanh về Cực Lạc, sanh về rồi
絕不退轉阿耨多羅三藐三菩提。

tuyệt bất thối chuyển a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
thì chắc chắn không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

爾時世尊受彼請已。即放眉間白毫相光。

nhĩ thời Thế tôn thọ bi thỉnh dĩ 。 tức phóng my gian bạch hào tướng quang 。
lúc bấy giờ đức Thế Tôn nhận lời thỉnh rồi, liền phóng hào quang nơi lông trắng
giữa hai chạng mày

遍照三千大千國土。於此世界草木土石。須彌山王。

biến chiếu tam thiên Đại Thiên quốc thổ 。 u thừa thế giới thảo mộc độ thạch 。 Tu-
Di sơn Vương 。
chiếu khắp ba ngàn đại thiên cõi nước. Cây cỏ đất đá nơi cõi này, cùng núi Tu Di
Vương,

目真隣陀山。大目真隣陀山。斫迦羅山。

mục chân lân đà sơn 。 Đại mục chân lân đà sơn 。 chúc ca la sơn 。
núi Mục-chon-lân-đà, núi đại Mục-chon-lân-đà, núi Chúc-ca-la,

大斫迦羅山。乃至世界中間幽冥之處。

Đại chúc ca la sơn 。 nãi chí thế giới trung gian u minh chi xứ 。
núi Đại Chúc-ca-la, cho đến những chỗ tối tăm trong thế giới,

普皆金色莫不大明。日月暉曜及大力威光。悉不復現。

phổ giai kim sắc mạc bất Đại minh. nhật nguyệt huy diệu cập Đại lực uy quang 。
tất bất phục hiện 。
không nơi nào là không có ánh sáng sắc vàng, ánh sáng của mặt trời mặt trăng thì
ẩn mất không hiện

遍照西方億百千刹乃至安樂世界。

biến chiếu Tây phương ức bách thiên sát nãi chí an lạc thế giới 。
rồi ánh sáng chiếu về phương Tây qua trăm ngàn ức cõi mới đến thế giới An Lạc,
悉皆金色。大光右邊彼佛七匝。於如來前廓然不現。

tất giai kim sắc 。 Đại quang hữu nhiều bi Phật thất tạp. u Như-Lai tiền khuếch
nhiên bất hiện 。
tất cả đều sáng lên sắc vàng, ánh sáng vây quanh đức Phật bên phải bảy vòng rồi
không hiện trước Như Lai nữa.

彼國眾生菩薩聲聞。

bi quốc chúng sanh Bồ-tát thanh văn 。
Bồ-tát Thanh Văn cùng chúng sanh nơi cõi An Lạc

悉見此土及釋迦文與諸大眾圍遶說法。猶如掌中觀阿摩勒果。

tất kiến thử độ cập Thích-ca văn dĩ chư Đại chúng vi nhiều thuyết Pháp 。 do như
chường trung quán a ma lạc quả 。
đều thấy cõi này và Phật Thích-ca đang thuyết pháp cho đại chúng vây quanh, như
xem quả A-ma-la trong lòng bàn tay

皆生愛樂歡喜之心。唱如是言。

giai sanh ái lạc hoa hi chi tâm 。 xướng như thị ngôn 。
tất cả đều sanh tâm hoa hỷ nói lời rằng:

南無釋迦如來應供正遍知。

Nam Mô Thích-ca Như Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri 。
Nam mô Thích-ca Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

於此眾會比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

ư thù chúng hội bỉ khâu bỉ khâu ni Ưu bà tặc Ưu bà di 。
chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tặc, Ưu-bà-di nơi hội này,

天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人等。釋梵四天王。

Thiên Long dạ xoa Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà nhân phi
nhân đẳng 。 thích phạm tú Thiên Vương 。
Cùng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-
dà, Người, chẳng phải Người, Để thích Tú thiên vương,

菩薩聲聞。皆見安樂世界阿彌陀佛。

Bồ-tát thanh văn 。 giai kiến an lạc thế giới A-di-đà Phật 。
Bồ-tát, Thanh văn, đều thấy Phật A-di-đà và thế giới An Lạc,

菩薩聲聞眷屬圍遶。晃若寶山高顯殊特。

Bồ-tát thanh văn quyến chúc vi nhiều 。 quang nhược bảo sơn cao hiển thù đặc 。
Có Bồ-tát Thanh văn vây quanh, như ánh sáng hiển bày từ trên núi xuống dày đặc,
威光赫奕普照諸刹。如淨目人於一尋內覩人面貌明了無礙。

uy quang hách dịch phổ chiếu chư sát 。 như tịnh mục nhân ư nhất tầm nội đồ nhân
diện mạo minh liễu vô ngại 。
hào quang rực rỡ chiếu khắp các cõi, như người có mắt sáng nhìn rõ diện mạo
người khác trong một tấc,

既見是已。歡喜踊躍唱如是言。

ký kiến thị dĩ 。 hoa hi dũng dục xướng như thị ngôn 。
thấy như vậy rồi hoa hỷ mừng rỡ nói lời rằng:

南無阿彌陀如來應供正遍知。時此眾中八萬四千眾生。

Nam Mô A-di-đà Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri 。 thời thù chúng trung bát vạn tứ
thiên chúng sanh 。

Nam mô Thích-ca Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Lúc bấy giờ có tám vạn bốn ngàn
chúng sanh trong hội chúng này

皆發阿耨多羅三藐三菩提心。及種善根。

giai phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。 cập chủng thiện căn 。
đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và gieo trồng căn lành,

願生彼國。爾時安樂世界菩薩聲聞。見此刹已。

nguyện sanh bỉ quốc 。 nhĩ thời an lạc thế giới Bồ-tát thanh văn 。 kiến thù sát
dĩ 。

nguyện sanh về nước kia. Lúc ấy Bồ-tát Thanh Văn nơi thế giới An Lạc thấy cõi
Ta-bà rồi

怪未曾有。歡喜合掌。

quái vị tăng hữu 。 hoa hi hợp chưởng 。
Điềm quý lạ chưa từng có, bèn hoa hỷ chấp tay

禮釋迦牟尼如來應供正遍知。作如是言。南無釋迦牟尼佛。

lễ Thích-ca Mâu-ni Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri. tác như thị ngôn. Nam Mô

Thích-ca Mâu-ni Phật.

đảnh lễ đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri và nói lời rằng: Nam-mô
Thích-ca Mâu-ni Phật.

能為菩薩聲聞說如是法。爾時安樂世界六種震動。

năng vi Bồ-tát thanh văn thuyết như thị Pháp 。 nhĩ thời an lạc thế giới lục
chúng chấn động 。

Có thể vì Bồ-tát Thanh Văn thuyết pháp như vậy. Lúc bấy giờ thế giới An Lạc chấn
động sáu lần,

動遍動等遍動。搖遍搖等遍搖。

động biến động đẳng biến động 。 diêu biến diêu đẳng biến diêu 。

đó là động biến động động đều khắp, khởi biến khởi khởi đều khắp

震遍震等遍震。

chấn biến chấn đẳng biến chấn 。

chấn biến chấn chấn đều khắp.

爾時觀世音及得大勢菩薩摩訶薩。

nhĩ thời Quán Thế Âm cập đắc Đại thế Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Lúc bấy giờ Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế Bồ-tát Ma-ha-tát

白彼佛言。甚奇世尊。釋迦如來現希有事。何以故。

bach bi Phật ngôn 。 thậm kì Thế tôn. Thích-ca Như Lai hiện hi hữu sự. hà dĩ cố 。

Bạch Phật kia rằng: Hy hữu thay Thế Tôn, đức Thích-ca Như Lai hiện việc hiếm có.
Tại vì sao?

彼釋迦牟尼如來應供正遍知。少現名號。

bi Thích-ca Mâu-ni Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri 。

đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri thị hiện danh hiệu

令無想大地六種震動。爾時阿彌陀佛。

lệnh vô tưởng Đại địa lục chúng chấn động 。

khiến đại địa Vô tưởng sáu lần chấn động. Bấy giờ Phật A-di-đà

告彼菩薩。釋迦牟尼不但此土現其名號。

cáo bi Bồ-tát 。

Thích-ca Mâu-ni bất dẫn thử độ hiện kỳ danh hiệu 。

báo Bồ-tát rằng: Đức Thích-ca Mâu-ni không những thị hiện danh hiệu ở cõi này,
其餘無量諸佛世界。悉現名號。大光普照六種震動。

kỳ dư vô lượng chư Phật thế giới 。

tất hiện danh hiệu 。

Đại quang phổ chiếu lục
chúng chấn động 。

mà đối với vô lượng thế giới chư Phật cũng đều thị hiện danh hiệu, hào quang
chiếu khắp, sáu lần chấn động

亦復如是。彼諸世界無量阿僧祇眾生。

diệc phục như thị 。

bi chư thế giới vô lượng a tăng kì chúng sanh 。

cũng lại như vậy. Vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh nơi các thế giới
聞釋迦牟尼稱譽名號。善根成就。

văn Thích-ca Mâu-ni xưng dự danh hiệu 。

thiện căn thành tựu 。

đê
nghe khen ngợi danh hiệu của đức Thích-ca Mâu-ni thì thành tựu được căn lành,
皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。時彼眾中四十億菩薩。

giai đắc bất thối chuyển u a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thời bi chúng trung
tứ thập ức Bồ-tát 。

đều được bất thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ trong
hội chúng kia có bốn mươi ức Bồ-tát

聞釋迦牟尼如來應供等正覺名號。

văn Thích-ca Mâu-ni Như-Lai Ứng-Cúng đấng chánh Giác danh hiệu 。
nghe danh hiệu đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác

同聲發願。善根迴向阿耨多羅三藐三菩提。

đồng thanh phát nguyện 。 thiện căn hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
bèn đồng thanh phát nguyện, đem căn lành hồi hướng lên đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

佛即授記。當得阿耨多羅三藐三菩提。

Phật tức thọ kí 。 đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
Phật liền thọ kí cho họ sẽ đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

爾時觀世音及得大勢菩薩摩訶薩。

nhĩ thời Quán Thế Âm cập đắc Đại thế Bồ-tát Ma-Ha tát 。
Lúc bấy giờ Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ-tát Ma-ha-tát

詣彼佛所頭面禮足。恭敬合掌於一面住。

nghệ bi Phật sờ đầu diện lễ túc 。 cung kính hợp chưởng ư nhất diện trụ 。
đến chỗ Phật đem đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật, cung kính chấp tay rồi ngồi qua một bên,

白佛言世尊。釋迦牟尼。放此光明。何因何緣。

bạch Phật ngôn Thế tôn Thích-ca Mâu-ni. phóng thử quang-minh. hà nhân hà duyên 。
bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, đức Thích-ca Mâu-ni phóng hào quang này là do nhân duyên gì?

爾時彼佛告觀世音。如來應供等正覺。

nhĩ thời bi Phật cáo Quán Thế Âm 。 Như-Lai Ứng-Cúng đấng chánh giác 。
Bấy giờ Phật kia bảo Bồ-tát Quán Âm: Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác

放斯光明非無因緣。何以故。

phóng tư quang-minh phi vô nhân duyên 。 hà dĩ cố 。
phóng hào quang này chẳng phải không có nhân duyên. Tại vì sao,

今日釋迦牟尼如來應供正遍知。將欲演說菩薩珍寶處三昧經故先現瑞。

kim nhật Thích-ca Mâu-ni Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri 。 tướng dục diễn thuyết
Bồ-tát trân bảo xứ tam-muội Kinh cổ tiên hiện thụy 。
hôm nay đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri muốn diễn thuyết
kinh Bồ-tát Trân bảo xứ Tam-muội, cho nên trước hiện điềm lành này.

爾時觀世音。及得大勢菩薩摩訶薩。

nhĩ thời Quán Thế Âm 。 cập đắc Đại thế Bồ-tát Ma-Ha tát 。
Bấy giờ Bồ-tát Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế Bồ-tát Ma-ha-tát

白佛言世尊。我等欲詣娑婆世界。

bạch Phật ngôn Thế tôn 。 ngã đẳng dục nghệ Sa Bà thế giới 。
bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, chúng con muốn đến thế giới Ta-bà

禮拜供養釋迦牟尼佛。聽其說法。佛言善男子。宜知是時。

lễ bái cung dưỡng Thích-ca Mâu-ni Phật 。 thính kỳ thuyết Pháp。 Phật ngôn thiện
nam tử 。 nghi tri thị thời

。
để lễ bái cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni và nghe thuyết pháp. Phật dạy: Thiện
nam tử, đây chính là đúng lúc

時二菩薩即相謂言。我等今日。

thời nhị Bồ-tát tức tương vị ngôn 。 ngã đẳng kim nhật 。

hai vị Bồ-tát bèn nói với nhau rằng: Hôm nay chúng ta

định nghe Phật nói pháp. Thời hai vị Bồ-tát thọ Phật giáo dục.

Định văn Bồ-tát nói pháp. Thời hai vị Bồ-tát thọ Phật giáo dục. Nhất định được nghe Phật Thích-ca nói pháp vì diệu. Bấy giờ hai vị Bồ-tát thọ lãnh lời Phật dạy rồi,

告彼四十億菩薩眷屬。善男子當共往詣娑婆世界。

áo bi tứ thập ức Bồ-tát quyến chúc . thiện nam tử đương cộng vãng nghê Sa Bà thế giới .

bèn nói với bốn mươi ức Bồ-tát quyến thuộc rằng: Các thiện nam tử, nên cùng nhau đến thế giới Ta-bà,

禮拜供養釋迦牟尼佛。聽受正法。何以故。

lễ bái cúng dường Thích-ca Mâu-ni Phật . thỉnh thọ chánh pháp . hà dĩ cố .

để lễ bái cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni và nghe chánh pháp vì sao vậy

釋迦牟尼如來應供等正覺。能為難事。捨淨妙國。

Thích-ca Mâu-ni Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác . năng vi nan sự . xả tịnh diệu quốc .

Phật Thích-ca Mâu-ni Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể làm việc khó làm, xả bỏ quốc độ âm thanh vì diệu

以本願力。興大悲心。於薄德少福。增貪恚癡。

dĩ bản nguyện lực . hưng đại bi tâm . ư bạc đức thiếu phúc . tăng tham khüế si . dùng bốn nguyện lực mà hưng khởi tâm đại bi, ít phước đức nhiều sân giận

濁惡世中。成阿耨多羅三藐三菩提。而為說法。

trược ác thế trung . thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề . nhi vi thuyết pháp . ở trong đời xấu các mà thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thuyết pháp cho tất cả chúng sanh.

說是語時。菩薩聲聞同聲歎言。彼土眾生。

thuyết thị ngữ thời . Bồ-tát thanh văn đồng thanh tán ngôn . bi độ chúng sanh . Lúc nói lời này, thì tất cả Bồ-tát Thanh Văn đồng khen ngợi rằng: Chúng sanh nơi cõi Ta-bà

得聞釋迦牟尼如來應供正遍知名號。快得善利。

đắc văn Thích-ca Mâu-ni Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri danh hiệu . khoái đắc thiện lợi .

được nghe danh hiệu của đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri thì có lợi ích lớn

何況得見發歡喜心。世尊我等。

hà huống đắc kiến phát hoa hi tâm . Thế tôn ngã đẳng .

huống là được thấy mà phát tâm hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chúng con

當共詣彼世界禮拜供養釋迦牟尼佛。佛言。善男子。

đương cộng nghê bi thế giới lễ bái cúng dường Thích-ca Mâu-ni Phật . Phật ngôn . thiện nam tử .

sẽ cùng đến thế giới Ta-bà để lễ bái cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni. Phật dạy: Thiện nam tử,

宜知是時。爾時觀世音及得大勢菩薩摩訶薩。

nghi tri thị thời . nhi thời Quán Thế Âm cập đắc Đại thế Bồ-tát Ma-Ha tát .

đây chính là đúng lúc. Lúc ấy Bồ-tát Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế Bồ-tát Ma-ha-tát

與四十億菩薩。前後圍遶。於彼世界。

dữ tứ thập ức Bồ-tát 。 tiền hậu vi nhiều 。 ư bí thế giới 。
cùng với bốn mươi ức Bồ-tát ở nơi thế giới An Lạc,

以神通力各為眷屬。化作四十億莊嚴寶臺。

dĩ Thân thông lực các vi quyền chúc 。 hóa tác tứ thập ức trang nghiêm bảo đài 。
dùng sức thân thông hoá làm bốn mươi ức đài báu trang nghiêm,

是諸寶臺。縱廣十二由旬。端嚴微妙。其實臺上。

thị chu bảo đài 。 tóng quảng thập nhị do-tuần 。 đoan nghiêm vi diệu 。 kỳ bảo đài
thượng 。

các đài báu ấy rộng mười hai do tuần, đoan nghiêm vi diệu. Trên đài báu

有處黃金。有處白銀。有處琉璃。有處頗梨。

hữu xử hoàng kim 。 hữu xử bạch ngân 。 hữu xử lưu ly 。 hữu xử pha-lê 。

có chỗ làm bằng vàng ròng, có chỗ bằng bạch kim, có chỗ bằng lưu ly, có chỗ bằng
pha lê

有處赤珠。有處車磔。有處馬瑙。

hữu xử xích-châu 。 hữu xử xa-cù 。 hữu xử mã-não 。

có chỗ bằng xích châu, có chỗ bằng xa cù, có chỗ bằng mã não,

有處二寶黃金白銀。有處三寶金銀琉璃。有處四寶。

hữu xử nhị bảo hoàng kim bạch ngân 。 hữu xử Tam Bảo kim ngân lưu ly 。 hữu xử tứ
bảo 。

có chỗ làm bằng hai thứ báu là vàng ròng và bạch kim, có chỗ bằng ba thứ báu là
vàng, bạc, lưu ly, có chỗ bằng bốn thứ báu

黃金白銀琉璃頗梨。有處五寶。金銀琉璃頗梨赤珠。

hoàng kim bạch ngân lưu ly pha-lê 。 hữu xử ngũ bảo 。 kim ngân lưu ly pha-lê
xích-châu。

là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Có chỗ bằng năm thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha
lê, xích châu,

有處六寶。黃金白銀琉璃頗梨車磔赤珠。

hữu xử lục bảo 。 hoàng kim bạch ngân lưu ly pha lê xa cù xích-châu 。

có chỗ bằng sáu thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cù, xích châu

有處七寶。乃至馬瑙。

hữu xử thất bảo 。 nãi chí mã-não 。

có chỗ làm bằng bảy thứ báu là vàng, bạc... cho đến mã não.

又以赤珠栴檀優鉢羅鉢曇摩拘物頭分陀利而莊嚴之。

hựu dĩ xích-châu chiêm-đàn Ưu bát la bát đàm ma câu vật đầu phân đà lợi nhi
trang nghiêm chi 。

lại dùng các thứ xích-châu, chiêm-đàn, ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-vật-đầu, phân-
đà-lợi mà trang nghiêm

又雨須曼那華。瞻蔔花。波羅羅花。阿提目多花。

hựu vũ tu mạn na hoa 。 Chiêm bắc hoa 。 ba la la hoa 。 a đề mục đa hoa 。

lại mưa các thứ hoa Tu-mạn-na, hoa Chiêm-bắc, hoa Ba-la-la, hoa A-đề-mục

羅尼花。瞿羅尼花。曼陀羅花。摩訶曼陀羅花。

la ni hoa 。 Cồ la ni hoa 。 Mạn-đà-la hoa 。 Ma-Ha Mạn-đà-la hoa 。

hoa La-ni, hoa Cù-la-ni, Hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la,

波樓沙花。摩訶波樓沙花。曼殊沙花。

ba lâu sa hoa 。 Ma-Ha ba lâu sa hoa 。 mạn thù sa hoa 。

hoa Ba-lâu-sa, hoa Ma-ha Ba-lâu-sa, hoa Mạn-thù-sa

摩訶曼殊沙花。盧遮那花。摩訶盧遮那花。遮迦花。

Ma-Ha mạn thù sa hoa 。 lô già na hoa 。 Ma-Ha lô già na hoa 。 già ca hoa 。
Hoa Ma-ha Mạn-thù-sa, hoa Lô-già-na, hoa Ma-ha Lô-Già-na, hoa Già-ca,

摩訶遮迦花。蘇樓至遮迦花。栴那花。摩訶栴那花。

Ma-Ha già ca hoa 。 tô lâu chí già ca hoa 。 chiên na hoa 。 Ma-Ha chiên na hoa 。
Hoa Ma-ha Già-ca, hoa Tô-lâu-chí-già-ca, hoa Chiên-na, hoa Ma-ha Chiên-na,

蘇樓至栴檀那花。栴奴多羅花。他邏花。

tô lâu chí chiên-đàn na hoa 。 chiên nô đa-la hoa 。 tha lá hoa 。
hoa Tô-lâu-chí Chiên-đàn-na, hoa Chiên-nô-đa, hoa Tha-lá,

摩訶他邏花。其寶臺上種種雜色。

Ma-Ha tha lá hoa 。 kỳ bảo đài thượng chủng chủng tạp sắc 。
Hoa Ma-ha Tha-lá. Trên đài báu đủ các thứ màu sắc,

斑爛燁曄清淨照耀。諸寶臺上。有化玉女八萬四千。

ban lạn vĩ diệp thanh tịnh chiếu diệu 。 chư bảo đài thượng 。 hữu hóa ngọc nữ bát
vạn tứ thiên 。

chiếu sáng rực rỡ thanh tịnh trang nghiêm. Trên các đài báu đều có tám vạn bốn
ngàn hoá thân Ngọc nữ

或執箏篋琴瑟箏笛。琵琶鼓貝。

hoặc chấp không hầu cầm瑟 tranh địch 。 tỳ bà cổ bối 。

如是無量眾寶樂器。奏微妙音儼然而住。或有玉女。

như thị vô lượng chúng bảo lạc khí 。

như vậy có vô lượng các nhạc cụ bằng các thứ báu, cùng tấu lên âm thanh vi diệu
an nhiên mà đứng. Hoặc có Ngọc nữ

執赤栴檀香。沈水栴檀香。

chấp xích chiên-đàn hương 。

或執黑沈水栴檀香。儼然而住。或有玉女。執優波羅。

hoặc chấp hắc trầm thủy chiên-đàn hương 。

hoặc hương mặc trầm thủy chiên-đàn an nhiên mà đứng. Hoặc có Ngọc nữ cầm hoa Ưu-
ba-la,

波頭摩。拘物頭。分陀利華。儼然而住。

ba đầu ma 。

或有玉女。執曼陀羅花。摩訶曼陀羅花。波樓沙花。

hoặc hữu ngọc nữ 。

摩訶波樓沙花。盧遮那花。摩訶盧遮那花。

Ma-Ha ba lâu sa hoa 。

栴那花。摩訶栴那花。蘇樓至栴那花。遮迦花。

chiên na hoa 。

hoa Chiên-na, hoa Ma-ha Chiên-na, hoa Tô-lâu-chí-chiên-na, hoa Già-na

摩訶遮迦花。蘇樓至遮迦花。陀羅花。

Ma-Ha già ca hoa 。 tô lâu chí già ca hoa 。 Đà-la hoa 。

Hoa Ma-ha Già-na, hoa Tô-lâu-chí-già-ca, hoa Đà-la

摩訶陀羅花。蘇樓至陀羅花。莊嚴而住。

Ma-Ha Đà-la hoa 。 tô lâu chí Đà-la hoa 。 trang nghiêm nhi trụ 。

Hoa Ma-ha Đà-la, hoa Tô-lâu-chí-đà-la, rồi an nhiên mà đứng.

或有玉女。執一切花果儼然而住。諸寶臺上。

hoặc hữu ngọc nữ 。 chấp nhất thiết hoa quả nghiêm nhiên nhi trụ 。 chư bảo đài thượng 。

Hoặc có Ngọc nữ cầm tất cả hoa quả an nhiên mà đứng. Trên các đài báu

眾寶莊嚴師子之座。

chúng bảo trang nghiêm Su-tử chi tọa 。

có toà Su tử trang nghiêm bằng các thứ báu,

座上皆有化佛三十二相八十種好而自嚴身。

tọa thượng giai hữu hóa Phật tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo nhi tự nghiêm thân 。

trên toà đều có hoá Phật đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp,

臺上各懸八萬四千青黃赤白雜真珠。貫諸寶臺上。

đài thượng các huyền bát vạn tứ thiên thanh hoàng xích bạch tạp chân châu 。

chư bảo đài thượng 。

trên mỗi đài đều có treo tám vạn bốn ngàn chơn châu màu xanh vàng đỏ trắng. Trên các đài báu

各有八萬四千眾妙寶瓶。盛滿末香列置其上。諸寶臺上。

các hữu bát vạn tứ thiên chúng diệu bảo 瓶。 thịnh mãn mạt hương liệt trí kỳ

thượng 。

chư bảo đài thượng 。

đều có tám vạn bốn ngàn bình báu vi diệu đựng đầy các thứ hương bột. Trên các

đài báu

各有八萬四千眾寶妙蓋。彌覆其上。諸寶臺上。

các hữu bát vạn tứ thiên chúng bảo diệu cái 。

di phúc kỳ thượng 。

chư bảo đài

thượng 。

lại có tám vạn bốn ngàn bảo cái bằng báu che ở phía trên. Trên các đài báu

各有八萬四千眾寶樹。殖其上。諸寶臺上。

các hữu bát vạn tứ thiên chúng bảo thụ. thực kỳ thượng. chư bảo đài thượng.

có tám vạn bốn ngàn cây báu thẳng hàng. Trên các đài báu

各有八萬四千寶鈴。羅覆其上。

các hữu bát vạn tứ thiên bảo linh 。

la phúc kỳ thượng 。

có tám vạn bốn ngàn linh báu treo phía trên.

諸寶樹間有七寶池。八功德水盈滿其中。

chư bảo thụ gian hữu thất bảo trì 。

bát công đức thủy doanh mãn kỳ trung 。

Giữa các hàng cây báu lại có ao bảy báu, trong ao tràn đầy nước tám công đức,

青黃赤白雜寶蓮花。光色鮮映微風吹動。眾寶行樹出微妙音。

thanh hoàng xích bạch tạp bảo liên hoa 。

quang sắc tiên ánh vi phong xuy động 。

chúng bảo hành thụ xuất vi Diệu-Âm 。

có hoa sen báu màu xanh vàng đỏ trắng, ánh sáng chiếu khắp, gió nhẹ thổi làm lay động các hàng cây báu phát ra âm thanh vi diệu

其音和雅踰於天樂。諸寶臺上。

kỳ âm hòa nhã du ư Thiên nhạc 。 chư bảo đài thượng 。
âm thanh ấy hoà nhã tựa như nhạc trời. Trên các đài báu

各有八萬四千眾妙寶繩。連綿樹間。一一寶臺。

các hữu bát vạn tứ thiên chúng diệu bảo thằng 。 liên miên thụ gian 。 nhất nhất
bảo đài 。

có tám vạn bốn ngàn dây bằng các thứ báu nối các hàng cây. Mỗi đài báu

光明照耀八萬四千由旬。莫不大明。

quang-minh chiếu diệu bát vạn tứ thiên do-tuần 。 mạc bất Đại minh 。

có ánh sáng chiếu khắp tám vạn bốn ngàn do tuần.

爾時觀世音及得大勢菩薩摩訶薩。

nhĩ thời Quán Thế Âm cập đắc Đại thế Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Lúc bấy giờ Quán Thế Âm Bồ-tát và Đắc Đại Thế Bồ-tát Ma-ha-tát

與其眷屬八千億眾諸菩薩俱。莊嚴寶臺悉皆同等。

dữ kỳ quyến chúc bát thiên ức chúng chư Bồ-tát câu 。

trang nghiêm bảo đài tất giai đồng đẳng 。

cùng với tám vạn ức Bồ-tát quyến thuộc trang nghiêm các đài báu như nhau,

譬如力士屈伸臂頃。從彼國沒。至此世界。時彼菩薩以神通力。

thí như lục sĩ khuất thân tứ khoảnh 。

tòng bị quốc một 。

chỉ thủ thế giới 。

thời bị Bồ-tát dĩ Thần thông lực 。

rồi trong khoảnh khắc như lục sĩ co duỗi cánh tay liền ẩn thân nơi thế giới Cực Lạc và đến thế giới Ta-bà. Lúc ấy hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế dùng sức thần thông

令此世界地平如水。
lệnh thủ thế giới địa bình như thủy 。

khiến thế giới Ta-bà đất bằng như nước.

與八十億菩薩前後圍遶。以大功德莊嚴成就。端嚴殊特無可為喻。

dữ bát thập ức Bồ-tát tiền hậu vi nhiểu 。

dĩ Đại công đức trang nghiêm thành tựu 。

đoan nghiêm thù đặc vô khả vi dụ 。

hai vị Bồ-tát cùng tám mươi ức Bồ-tát vây quanh trước sau, do thành tựu đại công đức trang nghiêm nên rất vi diệu thù thắng không thể ví dụ,

光明遍照娑婆世界。

quang-minh biến chiếu Sa Bà thế giới 。

ánh sáng của họ soi khắp thế giới Ta-bà,

是諸菩薩詣釋迦牟尼佛所。頭面禮足。右遶七匝。却住一面。

thị chư Bồ-tát nghê Thích-ca Mâu-ni Phật sở 。

đầu diện lễ túc 。

hữu nhiểu thất tạp 。

khước trụ nhất diện 。

rồi các Bồ-tát cùng đi đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni đem đầu mặt lễ dưới chân Phật, đi nhiểu bên phải bảy vòng và đứng qua một bên

白佛言。世尊。阿彌陀佛。問訊世尊。

bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

A-di-đà Phật 。

vấn tẩn Thế tôn 。

bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Phật A-di-đà hỏi thăm đức Thế Tôn

少病少惱起居輕利。安樂行不。又現彼土莊嚴妙事時。

thiếu bệnh thiếu não khởi cư khinh lợi 。 an lạc hành bất 。 hựu hiện bí độ trang
nghiêm diệu sự thời 。
ít bệnh ít não, đi đứng được an lạc chăng? Lại nữa, lúc biến hiện các việc vi
diệu trang nghiêm ở cõi Cực Lạc

此菩薩及聲聞眾。見此寶臺眾妙莊嚴。

thử Bồ-tát cập thanh văn chúng 。 kiên thử bảo đài chúng diệu trang nghiêm 。
thì chúng Bồ-tát và Thanh Văn nơi cõi Ta-bà thấy các đài báu thù thắng ấy

歎未曾有。各作是念。此諸寶臺莊嚴微妙。

thán vị tăng hữu 。 các tác thị niệm 。 thử chu bảo đài trang nghiêm vi diệu 。
đều khen ngợi là chưa từng có, cùng khởi ý niệm rằng: các đài báu trang nghiêm
vi diệu này

從安樂國至此世界。為是佛力菩薩力耶。

tòng an lạc quốc chí thử thế giới 。 vi thị Phật lực Bồ-tát lực da 。
là từ cõi An Lạc đến thế giới này, đây là thần lực của Phật hay là cù Bồ-tát?

爾時華嚴藏菩薩承佛神力白佛言。甚奇世尊。未曾有也。

nhĩ thời hoa đức tạng Bồ-tát thừa Phật Thần lực bạch Phật ngôn 。 thậm kì Thế tôn
。 vị tăng hữu dã 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Hoa Đức tạng nương nhờ thần lực cù Phật bạch Phật rằng: Hy
hữu thay Thế Tôn, việc này chưa từng có

今此娑婆世界。眾妙寶臺莊嚴如是。

kim thử Sa Bà thế giới 。 chúng diệu bảo đài trang nghiêm như thị 。
nay thế giới Ta-bà có các đài báu trang nghiêm vi diệu như vậy

是誰威力。佛言。是觀世音及得大勢神通之力。

thị thù uy lực。 Phật ngôn。 thị Quán Thế Âm cập đắc Đại thế Thần thông chi lực 。
là do thần lực của ai? Phật dạy : Đây là do sức thần thông cù Bồ-tát Quán Thế
Âm và Đại Thế Chí,

於此世界現大莊嚴。甚奇世尊。不可思議。

ư thử thế giới hiện Đại trang nghiêm 。 thậm kì Thế tôn 。 bất khả tư nghị。
hiện các việc trang nghiêm nơi thế giới này. Bồ-tát Hoa Đức Tạng lại bạch Phật
rằng: Hy hữu thay Thế Tôn, việc này không thể nghĩ bàn,

彼善男子。願行清淨。能以神力莊嚴寶臺。

bỉ thiện nam tử 。 nguyện hành thanh tịnh 。 năng dĩ Thần lực trang nghiêm bảo đài
。

các thiện nam tử kia do nguyện hạnh thanh tịnh nên có thể dùng thần lực trang
nghiêm các đài báu

現此世界。佛言。如是如是。如汝所說。彼善男子。

hiện thử thế giới 。 Phật ngôn 。 như thị như thị。 như nữ sở thuyết。 Bỉ thiện nam
tử 。

và hiện bày nơi thế giới này. Phật dạy: Đúng vậy đúng vậy, như lời ông nói,
thiện nam tử kia

已於無數億那由他百千劫中。淨諸善根。

dĩ ư vô số ức na-do-tha bách thiên kiếp trung 。 tịnh chu thiện căn。
đã từng ở trong vô số ức Na do tha trăm ngàn kiếp mà gieo các căn lành,

得如幻三昧。住是三昧。

đắc như huyền tam-muội。 trụ thị tam-muội 。

đắc Tam-muội như huyền, trụ nơi Tam-muội này

能以神通變化現如是事又華德藏。汝今且觀東方世界。為何所見。

năng dĩ Thần thông biến hoá hiện như thị sự hựu hoa đức tạng. nữ kim thả quán
Đông phương thế giới. vi hà sở kiến.

mà dùng thần thông biến hoá các việc như vậy. Lại nữa Hoa Đức Tạng, nay ông thử
xem thế giới ở phương Đông có những điều gì.

時華德藏即以菩薩種種天眼。

thời hoa đức tạng tức dĩ Bồ-tát chủng chủng Thiên nhãn.

Lúc bấy giờ Hoa Đức Tạng tức dùng thiên nhãn

觀于東方恒河沙等諸佛世界。見彼佛前。

thời hoa đức tạng tức dĩ Bồ-tát chủng chủng Thiên nhãn .

Lúc bấy giờ Hoa Đức Tạng tức dùng thiên nhãn

觀于東方恒河沙等諸佛世界。見彼佛前。

quán vu Đông phương hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới . kiến bi Phật tiền .
quán sát hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông, thấy trước các Phật ấy
皆有觀世音及得大勢。莊嚴如前。恭敬供養皆稱阿彌陀佛。

giai hữu Quán Thế Âm cập đắc Đại thế . trang nghiêm như tiền . cung kính cung
dưỡng giai xung A-di-đà Phật .

đều có Bồ-tát Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế trang nghiêm các việc như trước, đều
cung kính cúng dường và nói Phật A-di-đà

問訊世尊。少病少惱起居輕利。安樂行不。

vấn tẩn Thế tôn . thiểu bệnh thiểu não khởi cư khinh lợi . an lạc hành bất .
hỏi thăm đức Thế Tôn ít bệnh ít não, đi đứng an lạc chẳng.

南西北方四維上下亦復如是。

Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ diệc phục như thị .

Phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên dưới cũng lại như vậy

爾時華德藏菩薩見是事已歡喜踊躍。得未曾有而白佛言。

nhĩ thời hoa đức tạng Bồ-tát kiến thị sự dĩ hoa hi dũng dục . đắc vị tăng hữu
nhĩ bạch Phật ngôn .

Lúc bấy giờ Bồ-tát Hoa Đức Tạng thấy các việc ấy rồi sanh tâm hoa hỷ được điều
chưa từng có và bạch rằng:

甚奇世尊。今此大士。乃能成就如是三昧。

thậm kì Thế tôn . kim thử Đại sĩ . nãi năng thành tựu như thị tam-muội .
kỳ lạ thay Thế Tôn, nay vị Bồ-tát này có thể thành tựu Tam-muội như vậy.

何以故。今此正士。能現莊嚴是諸佛刹。

hà dĩ cố . kim thử chánh sĩ . năng hiện trang nghiêm thị chư Phật sát .
Tại vì sao, nay vị Bồ-tát có thể hiện các việc trang nghiêm nơi các cõi nước của
chư Phật

爾時世尊即以神力。令此眾會見是事已。

nhĩ thời Thế tôn tức dĩ Thần lực . lệnh thử chúng hội kiến thị sự dĩ .

lúc bấy giờ đức Thế Tôn dùng thần lực khiến tất cả hội chúng nơi cõi Ta-bà đều
thấy việc này rồi,

三萬二千人。發阿耨多羅三藐三菩提心。

tam vạn nhị thiên nhân . phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề tâm .
có ba vạn hai ngàn người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

華德藏菩薩白佛言。世尊。是二正士。

hoa đức tạng Bồ-tát bạch Phật ngôn . Thế tôn . thị nhị chánh sĩ .
Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, hai vị Bồ-tát này

久如發阿耨多羅三藐三菩提心。於何佛所。唯願說之。令諸菩薩。

cừ h như phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm . ư hà Phật sở . duy nguyện
thuyết chi . lệnh chư Bồ-tát .
từ lâu đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nơi vị Phật nào, xin Phật
thuyết giảng khiến các Bồ-tát

修此願行具足成就。佛言。諦聽善思念之。

tu thử nguyện hành cụ túc thành tựu . Phật ngôn . để thính thiện tu niệm chi .
tu hạnh nguyện này được thành tựu đầy đủ. Phật dạy: Ông hãy lắng nghe khéo suy
nghĩ kỹ,

當為汝說。善哉世尊。願樂欲聞。佛言。

đương vi nhữ . Thiện tai Thế tôn . nguyện lạc dục văn . Phật ngôn .
Ta sẽ vì Ông nói. Bồ-tát Hoa Đức Tạng thưa: Lành thay Thế Tôn, con xin muốn
nghe. Phật dạy:

乃往過去廣遠無量不可思議阿僧祇劫。我於爾時。

nãi vãng quá khứ quảng viễn vô lượng bất khả tư nghị a tăng kì kiếp . ngã ư nhĩ
thời .

vào thời quá khứ lâu xa vô lượng bất khả tư nghị a tăng kỳ kiếp, vào thời đó

為百千王。時初大王劫欲盡時。

vi bách thiên Vương . thời sơ Đại Vương kiếp dục tận thời .
Ta làm trăm ngàn vị Vua lúc kiếp số của Vua đầu tiên sắp hết

有世界名無量德聚安樂示現。其國有佛。

hữu thế giới danh vô lượng đức tụ an lạc thị hiện . kỳ quốc hữu Phật .
thì có thế giới tên là Vô lượng đức tụ an lạc thị hiện, cõi ấy có Phật

號金光師子遊戲如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士

hiệu kim quang Sư-tử du hí Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri Minh-hạnh-Túc thiện
thệ thế gian giải Vô-thượng-Sĩ

hiệu là Kim Quang Sư Tử Du hí Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hạnh Túc
Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ

調御丈夫天人師佛世尊。是佛剎土。

điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế tôn . thị Phật sát độ .
Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn. Cõi Phật ấy

所有清淨嚴飾之事。今為汝說。於意云何。

sở hữu thanh tịnh nghiêm sức chi sự . kim vi nhữ thuyết . ư ý vân hà .
có các việc trang nghiêm thanh tịnh, nay Ta sẽ nói. Ý Ông nghĩ thế nào

安樂世界阿彌陀佛國土所有嚴淨之事。寧為多不。

an lạc thế giới A-di-đà Phật quốc thổ sở hữu nghiêm tịnh chi sự, ninh vi đa bất
các việc trang nghiêm thanh tịnh nơi cõi An Lạc của Phật A-di-đà có nhiều không?

答曰甚多。不可思議難可具說。佛告華德藏。

đáp viết thậm đa . bất khả tư nghị nan khả cụ thuyết . Phật cáo hoa đức tạng .
Đáp: Bạch Thế Tôn rất nhiều, việc ấy không thể nghĩ bàn thật khó nói hết. Phật
bảo Hoa Đức Tạng,

假使有人。分析一毛以為百毛。

giả sử hữu nhân . phân tích nhất mao dĩ vi bách mao .
giả sử có người lấy sợi lông chia làm trăm phần,

以一分毛滯大海水。於意云何。一毛端水於大海水。

dĩ nhất phân mao để Đại hải thủy . ư ý vân hà . nhất mao đoan thủy ư Đại hải thủy .

rồi lấy một sợi lông nhúng vào nước ở biển lớn. Ý Ông nghĩ thế nào, nước trên đầu sợi lông và nước trong biển lớn

何者為多。答曰。海水甚多。不可為譬。

hà giả vi đa . đáp viết . hải thủy thậm đa . bất khả vi thí .
bên nào là nhiều? Đáp rằng: Nước trong biển rất nhiều, không thể ví dụ

如是華德藏。應作是知。阿彌陀國莊嚴之事。

như thị hoa đức tạng . ứng tác thị tri . A-di-đà quốc trang nghiêm chi sự .
Phật dạy: Đúng vậy Hoa Đức Tạng, nên biết như thế, các việc trang nghiêm nơi cõi nước của Phật A-di-đà

如毛端水。金光師子遊戲佛國。如大海水。

như mao đoan thủy . kim quang Sư-tử du hí Phật quốc . như Đại hải thủy .
chỉ như nước trên đầu sợi lông, mà các việc trang nghiêm nơi cõi nước của Phật Kim Quang Sư Tử Du Hí thì như nước trong biển lớn,

聲聞菩薩差降亦爾。彼金光師子遊戲如來。

thanh văn Bồ-tát sai hàng diệc nhi. bi kim quang Sư-tử du hí Như-Lai.
chúng Thanh Văn Bồ-tát cũng cách xa như vậy. Đức Kim Quang Sư Tử Du Hí Như Lai ấy

亦為眾生說三乘法。我於恒沙等劫。

diệc vi chúng sanh thuyết tam thừa Pháp . ngã ư hằng sa đẳng kiếp .
cũng vì chúng sanh mà thuyết pháp Tam thừa. Nếu Ta ở nơi hằng sa kiếp

說此佛國功德莊嚴。菩薩聲聞快樂之事。猶不能盡。

thuyết thử Phật quốc công đức trang nghiêm . Bồ-tát thanh văn khoái lạc chi sự .
do bất năng tận .

để nói công đức trang nghiêm nơi cõi Phật kia và các việc an lạc của chúng Thanh Văn Bồ-tát thì cũng không thể cùng tận

爾時金光師子遊戲如來法中有王。名曰威德王。

nhĩ thời kim quang Sư-tử du hí Như-Lai Pháp trung hữu Vương . danh viết uy đức Vương .

lúc bấy giờ trong pháp của đức Kim Quang Sư Tử Du Hí Như Lai có vị Vua tên là Oai Đức,

千世界正法治化。號為法王。

thiên thế giới chánh Pháp trì hóa . hiệu vi Pháp Vương .
dùng chánh pháp cai trị cả ngàn thế giới nên có hiệu là pháp vương

其威德王多諸子息。具二十八大人之相。是諸王子。

kỳ uy đức Vương đa chư tử tức . cụ nhị thập bát Đại nhân chi tướng . thị chu Vương tử .

Vua Oai Đức có nhiều con cháu, đều có đủ hai mươi tám tướng của bậc đại nhân, các người con này

皆悉住於無上之道。王有七萬六千園觀。

giai tất trụ ư vô thượng chi đạo . Vương hữu thất vạn lục thiên viên quán .
đều an trụ nơi đạo Vô Thượng. Vua có bảy vạn sáu ngàn vườn hoa

其王諸子遊戲其中。華德藏白佛言。世尊。

kỳ Vương chư tử du hí kỳ trung . hoa đức tạng bạch Phật ngôn . Thế tôn .

để các người con dạo chơi trong ấy. Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

彼佛刹土有女人耶。佛言。善男子。彼佛國土尚無女名。

bi Phật sát độ hữu nữ nhân da 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 bi Phật quốc thổ thượng vô nữ danh 。

nơi cõi Phật kia có người nữ chăng? Phật dạy: Thiện nam tử, cõi nước Phật kia còn không có tên người nữ

何況有實。其國眾生淨修梵行。

hà huống hữu thật 。 kỳ quốc chúng sanh tịnh tu phạm hạnh 。

huống là có thật. Chúng sanh cõi ấy đều tịnh tu phạm hạnh

純一化生禪悅為食。彼威德王於八萬四千億歲。

thuần nhất hóa sanh Thiền duyệt vi thực 。

bi uy đức Vương ư bát vạn tứ thiên ức tuế 。

đều do hoá sanh, dùng pháp thiền làm thức ăn. Vua Oai Đức trong tám vạn bốn ngàn năm

奉事如來不習餘法。佛知至心。即為演說無量法印。

phụng sự Như-Lai bất tập dư Pháp 。

Phật tri chí tâm 。

tức vi diễn thuyết vô lượng Pháp ấn 。

đều làm một việc là phụng sự Như Lai. Phật biết tâm chí thành của Vua nên diễn thuyết vô lượng pháp ấn.

何等為無量法印。華德藏菩薩。凡所修行。

hà đẳng vi vô lượng Pháp ấn 。

hoa đức tạng Bồ-tát 。

phàm sở tu hành 。

Thế nào là vô lượng pháp ấn? Nay Bồ-tát Hoa Đức Tạng, phàm nơi tu hành

應當發於無量誓願。何以故。菩薩摩訶薩。布施無量。

ứng đương phát ư vô lượng thệ nguyện 。

hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

bồ thí vô lượng 。

đều phải phát vô lượng thệ nguyện. Tại vì sao, Bồ-tát Ma-ha-tát bồ thí vô lượng,

持戒無量。忍辱無量。精進無量。禪定無量。

trì giới vô lượng。nhẫn nhục vô lượng。tinh tấn vô lượng。Thiền định vô lượng 。

trì giới vô lượng, nhẫn nhục vô lượng, tinh tấn vô lượng, thiền định vô lượng,

智慧無量。所行六度攝生死無量。

trí tuệ vô lượng 。

sở hạnh lục độ nhiếp sanh tử vô lượng 。

trí tuệ vô lượng, thực hành lục độ vô lượng,

慈愍眾生無量。莊嚴淨土無量。音聲無量。辯才無量。

từ mẫn chúng sanh vô lượng 。

trang nghiêm tịnh độ vô lượng 。

âm thanh vô lượng 。

biện tài vô lượng 。

thương xót chúng sanh vô lượng, trang nghiêm tịnh độ vô lượng, âm thanh vô lượng, biện tài vô lượng

華德藏。乃至一念善相應迴向無量。

hoa đức tạng 。

nãi chí nhất niệm thiện tương ứng hồi hướng vô lượng 。

Hoa Đức Tạng, cho đến một niệm thiện tương ứng cũng hồi hướng vô lượng,

云何迴向無量。如迴向一切眾生。

vân hà hồi hướng vô lượng 。

như hồi hướng nhất thiết chúng sanh 。

Thế nào là hồi hướng vô lượng? Như hồi hướng tất cả chúng sanh

令一切眾生得無生證。以佛涅槃而般涅槃。是名迴向無量。

lệnh nhất thiết chúng sanh đắc vô sanh chúng 。 dĩ Phật Niết-Bàn nhi bát Niết-Bàn
。 thị danh hồi hướng vô lượng 。
khiến tất cả chúng sanh được chúng pháp vô sanh, vì Phật Niết-bàn mà nhập Niết-
bàn, đó gọi là hồi hướng vô lượng,

無邊空無量。無相無量。無願無量。

vô biên không vô lượng 。 vô tướng vô lượng 。 vô nguyện vô lượng 。
vô biên không vô lượng, vô tướng vô lượng, vô ngục vô lượng,

無行如是。無欲實際。法性無生。無著解脫。

vô hành như thị 。 vô dục thật tế 。 Pháp tánh vô sanh 。 Vô trú giải thoát 。
vô hạnh như vậy, vô dục thật tế, pháp tánh vô sanh, không đấng giải thoát,

涅槃無量。善男子。我但略說諸法無量。

Niết-Bàn vô lượng 。 thiện nam tử 。 ngã dẫn lược thuyết chư Pháp vô lượng 。
Niết-bàn vô lượng. Thiện nam tử, Ta chỉ lược nói các pháp vô lượng,

何以故以一切法無有限量。復次華德藏。彼威德王。

hà dĩ cố dĩ nhất thiết Pháp vô hữu hạn lượng 。 phục thứ hoa đức tạng 。 bi uy đức
Vương 。

tại vì sao, vì tất cả pháp là không có hạn lượng. Lại nữa Hoa Đức Tạng, Vua Oai
Đức kia

於其園觀。入于三昧。其王左右有二蓮花。

ư kỳ viên quán 。 nhập vu tam-muội 。 kỳ Vương tả hữu hữu nhị liên hoa 。
ở nơi vườn hoa của mình mà nhập định Tam-muội, thấy hai bên mình có hai hoa sen
từ đất踊出。雜色莊嚴。其香芬馥如天栴檀。

tòng địa dũng xuất 。 tạp sắc trang nghiêm 。 kỳ hương phân phức như Thiên chiên-
đàn 。
từ dưới đất vọt lên, trang nghiêm đủ màu sắc, hương thơm ngát như hoa chiên-đàn
cối trời.

有二童子化生其中。加趺而坐。一名寶意。

hữu nhị Đồng tử hóa sanh kỳ trung 。 gia phu nhi tọa 。 nhất danh bảo ý 。
có hai đồng tử hoá sanh trong ấy đang ngồi kiết già, một người tên là Bảo Ý,
二名寶上。時威德王從禪定起。

nhị danh bảo thượng 。 thời uy đức Vương tòng Thiền định khởi 。
một người tên là Bảo Thượng. Bấy giờ Vua Oai Đức xuất định

見二童子坐蓮華藏。以偈問曰。

kiến nhị Đồng tử tọa liên hoa tạng 。 dĩ kệ vấn viết 。
thấy hai đồng tử ngồi trên hoa sen bên nói bài kệ hỏi rằng:

汝為天龍王 夜叉鳩槃荼

nhữ vi Thiên Long Vương dạ xoa cưu bàn đồ
Người là Thiên Vương, Hay Dạ-xoa, Bàn-trà

為人為非人 願說其名號

vi nhân vi phi nhân nguyện thuyết kỳ danh hiệu
Là người, chẳng phải người Xin nói về danh hiệu

時王右面童子以偈答曰。

thời Vương hữu diện Đồng tử dĩ kệ đáp viết 。
Bấy giờ đồng tử bên phải Vua dùng bài kệ đáp rằng:

一切諸法空

Nhất thiết chư Pháp không

云何問名號

Vấn hà vấn danh hiệu

Các pháp đều là không

過去法已滅

Quá khứ Pháp dĩ diệt

Pháp quá khứ đã diệt

現在法不住

Hiện tại Pháp bất trụ

Pháp hiện tại không trụ

空法亦非人

Không Pháp diệt phi nhân

Pháp không chẳng phải người,

人與非人等

Nhân dữ phi nhân đẳng

Người và chẳng phải người

左面童子而說偈言。

Tả diện Đồng tử nhi thuyết kệ ngôn 。

Đồng tử bên trái cũng nói bài kệ rằng:

名名者悉空 名名不可得

Danh danh giả tất không danh danh bất khả đắc

Tất cả danh đều không Danh tự không thể đắc

一切法無名

Nhất thiết Pháp vô danh

Tất cả pháp vô danh

欲求真實名

Dục cầu chân thật danh

Muốn cầu tên chân thật

夫生法即滅

Phu sanh Pháp tức diệt

Pháp có sanh tức diệt

說名字語言

Thuyết danh tự ngữ ngôn

Nói danh tự ngữ ngôn

我名為寶意

Ngã danh vi bảo ý

Tôi tên là Bảo Ý

華德藏。是二童子說是偈已。

hoa đức tạng 。

Hoa Đức Tạng, khi hai đồng tử này nói bài kệ rồi

與威德王俱詣佛所。頭面禮足。右邊七匝。

dữ uy đức Vương câu nghệ Phật sở 。

合掌恭敬於一面住。時二童子即共同聲。以偈問佛。

hợp chưởng cung kính ư nhất diện trụ 。

thời nhị Đồng tử tức cộng đồng thanh 。

dĩ kệ vấn Phật 。

云何為供養

Vân hà vi cung dưỡng

Làm sao để cúng dường Đấng

願說其義趣

Sao lại hỏi danh hiệu

當來法未生

Đương lai Pháp vị sanh

Pháp vị lai chưa sanh

仁者問誰名

Nhân giả vấn thù danh

Nhân giả hỏi tên ai

非龍非羅刹

Phi long phi La sát

Chẳng Rồng chẳng La sát

一切不可得

Nhất thiết bất khả đắc

Tất cả không thể đắc

而欲問名字

Nhi dục vấn danh tự

Mà muốn hỏi danh tự

未曾所見聞

vị tăng sở kiến văn

Đây chưa từng thấy nghe

云何而問名

Vân hà nhi vấn danh

Tại sao lại hỏi tên

皆是假施設

Giai thị giả thí thiết

Đều là giả mượn nói

彼名為寶上

Bĩ danh vi bảo thượng

Kia tên là Bảo Thượng

無上兩足尊

Vô thượng lượng túc tôn

Đấng vô Thượng lượng túc

聞者當奉行

Nguyện thuyết kỳ nghĩa thú
Xin nguyện giải ý nghĩa

花香眾伎樂

Hoa hương chúng kỹ nhạc
Hoa hương cùng kỹ nhạc

如是等供養

Như thị đẳng cung dưỡng
Như vậy đem cúng dường

爾時彼佛即為童子而說偈言。

nhĩ thời bỉ Phật tức vi Đồng tử nhi thuyết kệ ngôn 。
Lúc bấy giờ đức Phật kia vì hai đồng tử mà nói bài kệ rằng

當發菩提心

Đương phát Bồ-đề tâm
Phải phát tâm Bồ-đề

是則供正覺

Thị tắc cung chánh giác
Cúng dường đấng Chánh Giác

設滿恒沙剎

Thiết mãn hằng sa sát
Giả sử đem châu báu

奉獻諸如來

Phụng hiến chư Như-Lai
Cúng dường Như Lai

不如以慈心

Bất như dĩ từ tâm
Không bằng đem từ tâm

是福為最勝

Thị phúc vi tối thắng
Phước này là tối thắng

餘供無過者

Dư cung vô quá giả
Không có thứ nào hơn

如是菩提心

Như thị Bồ-đề tâm
Có tâm Bồ-đề này

時二童子復說偈言。

thời nhị Đồng tử phục thuyết kệ ngôn 。
Lúc ấy hai đồng tử lại nói bài kệ rằng:

諸天龍鬼神

Chư Thiên long quỷ Thần
Các Trời Rồng quỷ thần

今於如來前

Kim ư Như-Lai tiền
Nay ở trước Như Lai

生死無量劫

Sanh tử vô lượng kiếp
Vô lượng kiếp sanh tử

為一眾生故

Vi nhất chúng sanh cố
Vì tất cả chúng sanh

況此諸劫中

Quán Thế Âm Bồ-tát Thọ Ký Kinh

Văn giả đương phụng hành
Nghe rồi sẽ thực hành

衣食藥臥具

Y thực dược ngoạn cụ
Y thực cùng các thứ

云何為最勝

Vân hà vi tối thắng
Thế nào là tối thắng.

廣濟諸群生

Quảng tế chư quần sanh
Rộng cứu vớt chúng sanh

三十二明相

Tam thập nhị minh tướng
Ba mươi hai tướng tốt

珍妙莊嚴具

Trân diệu trang nghiêm cụ
Đầy hằng sa cõi nước

及歡喜頂戴

Cập hoa hi đĩnh đài
Và hoa hỷ kính thuận

迴向於菩提

Hồi hướng ư Bồ-đề
Hồi hướng đạo Bồ-đề

無量無有邊

Vô lượng vô hữu biên
Vô lượng không cùng tận

超踰不可計

Siêu du bất khả kế
Không thể ví dụ được

必成等正覺

Tất thành đẳng chánh giác
Ất thành Đấng Chánh Giác

聽我師子吼

Thính ngã Sư-tử hồng
nghe Bồ-tát, Sư tử hồng

弘誓發菩提

Hoảng thệ phát Bồ-đề
Thệ nguyện phát Bồ-đề

本際不可知

Bản tế bất khả tri
Không thể biết tận cùng

爾數劫行道

Nhĩ số kiếp hành đạo
Trải qua mà hành đạo

度脫無量眾

- 24 -

Huống thử chư kiếp trung
Huống là trong kiếp này

修行菩提道

Tu hành Bồ-đề đạo
Tu hành đạo Bồ-đề

我若從今始

Ngã nhược tông kim thủy
Ta từ nay nếu có

是則為欺誑

Thị tắc vi khi cuống
Đó chính là lừa dối

瞋恚愚癡垢

Sân khuê ngu si cấu
Sân hận và ngu si

今我說實語

Kim ngã thuyết thật ngữ
Nay Ta nói lời thật

我若於今始

Ngã nhược ư kim thủy
Ta từ nay nếu có

不樂修菩提

Bất lạc tu Bồ-đề
Không ưa tu Bồ-đề

亦不求緣覺

Diệc bất cầu duyên giác
Cũng không cầu Duyên Giác

當於萬億劫

Đương ư vạn ức kiếp
Mà trải qua vạn kiếp

如今日佛土

Như kim nhật Phật thổ
Nay nơi cõi Phật này

令我得道時

Lệnh ngã đắc đạo thời
Nếu khi Ta đắc đạo

國無聲聞眾

Quốc vô thanh văn chúng
Không có chúng Thanh Văn

純有諸菩薩

Thuần hữu chư Bồ-tát
Chỉ có chúng Bồ-tát

眾生淨無垢

Chúng sanh tịnh vô
Đều thanh tịnh vô cấu

出生於正覺

Xuất sanh ư chánh giác
Thành đạo Đẳng Chánh Giác

此誓若誠實

Thử thệ nhược thành thật
Lời thệ nếu là thật

說如是偈已

Thuyết như thị kệ dĩ

Quán Thế Âm Bồ-tát Thọ Ký Kinh

Độ thoát vô lượng chúng
Độ thoát vô lượng chúng

而生疲倦心

Nhi sanh bì quyền tâm
Mà tâm mỗi mệt sao?

起於貪欲心

khởi ư tham dục tâm
Khởi chút tâm tham dục

十方一切佛

Thập phương nhất thiết Phật
Chư Phật trong mười phương

慳嫉亦復然

khan tật diệc phục nhiên
Ganh ghét cũng như vậy

遠離於虛妄

viễn li ư hư vọng
Xa lìa sự hư vọng

起於聲聞心

Khởi ư Thanh Văn tâm
Khởi tâm cầu Thanh Văn

是則欺世尊

thị tắc khi Thế tôn
Là lừa dối Thế Tôn

自濟利己身

Tự tế lợi kỷ thân
Không tự độ thân mình

大悲度眾生

Đại bi độ chúng sanh
Thương xót độ chúng sanh

清淨妙莊嚴

Thanh tịnh diệu trang nghiêm
Thanh tịnh và trang nghiêm

超躡億百千

siêu du ức bách thiên
sẽ hơn trăm ngàn ức

亦無緣覺乘

diệc vô duyên giác thừa
Cũng không Duyên Giác thừa

其數無限量

Kỳ số vô hạn lượng
Số đông vô hạn lượng

悉具上妙樂

Cầu tất cụ thượng diệu lạc
Đủ thứ vui vô thượng

總持諸法藏

Tổng trì chư Pháp tạng
Giữ gìn các Pháp tạng

當動大千界

Đương động Đại Thiên giới
Sẽ chấn động đại thiên

應時普震動

ứng thời phổ chấn động

Vừa nói bài kệ xong

百千眾伎樂

Bách thiên chúng kỹ nhạc
Trăm ngàn thứ kỹ nhạc

光耀微妙服

Quang diệu vi diệu phục
Y vi diệu sáng chói

諸天於空中

Chư Thiên ở không trung
Chư thiên giữa không trung

其香普流熏

Kỳ hương phổ lưu huân
Hương ấy xông khắp nơi

佛告華德藏。於汝意云何。

Phật cáo hoa đức tạng 。 ở như ý vân hà 。
Phật bảo Hoa Đức Tạng: Ý ông nghĩ thế nào,

爾時威德王者豈異人乎。我身是也。時二童子。

nhĩ thời uy đức Vương giả khởi dị nhân hồ 。 ngã thân thị dã 。 thời nhị Đồng tử 。
Vua Oai Đức lúc ấy đâu phải người nào lạ, mà chính là thân ta vậy, hai đồng tử lúc ấy

今觀世音及得大勢菩薩摩訶薩是也。善男子。

kim Quán Thế Âm cập đắc Đại thế Bồ-tát Ma-Ha tát thị dã 。 thiện nam tử 。
nay là Quán Thế Âm Bồ-tát và Đắc Đại thế Bồ-tát Ma-ha-tát . Thiện nam tử,
是二菩薩於彼佛所。初發阿耨多羅三藐三菩提心。

thị nhị Bồ-tát ở nơi Phật sở 。 sơ phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。
hai vị Bồ-tát này ở nơi chỗ Phật mà phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

爾時華德藏白佛言。甚奇世尊。是善男子。

nhĩ thời hoa đức tạng bạch Phật ngôn 。 thậm kì Thế tôn 。 thị thiện nam tử 。
Bấy giờ oò Tát Hoa Đức Tạng bạch Phật rằng: Kỳ lạ thay Thế Tôn! Các Thiện nam tử này

未曾發心。成就如是甚深智慧。了達名字悉不可得。

vị tăng phát tâm 。 thành tựu như thị thậm thâm trí tuệ 。 liễu đạt danh tự tất
bất khả đắc 。
chưa từng phát tâm Bồ-đề mà đã thành tựu trí tuệ thâm sâu như vậy, thấu hiểu
danh tự là không thể đắc.

世尊。是二正士於彼先佛已曾供養。

Thế tôn 。 thị nhị chánh sĩ ở nơi Phật dĩ tăng cung dưỡng 。
Bạch Thế Tôn, hai vị này ở nơi Phật kia đã từng cúng dường

作諸功德。善男子。此恒河沙悉可知數。

tác chư công đức 。 thiện nam tử 。 thử hằng hà sa tất khả tri số 。
và làm các công đức gì. Phật dạy: Thiện nam tử, hằng hà sa số có thể đếm biết
而此大士先供養佛。種諸善根不可稱計。

nhĩ thử Đại sĩ tiên cung dưỡng Phật 。 chủng chư thiện căn bất khả xưng kể 。
mà hai vị đại sĩ nay cúng dường Phật, gieo các căn lành thì không thể đếm xuể.

雖未發於菩提之心。而以不可思議而自莊嚴。

tuy vị phát ở Bồ-đề chí tâm 。 nhi dĩ ất khả tư nghị nhi tự trang nghiêm
Tuy chưa phát tâm Bồ-đề mà dùng việc không thể nghĩ bàn này để tự trang nghiêm,

Khắp cõi đều chấn động

演發和雅音

Diễn phát hòa nhã âm
trỗi Âm thanh hoà nhã

旋轉而來降

Toàn chuyển nhi lai hàng
Xoay chuyển mà rơi xuống

雨散眾末香

Vũ tán chúng mạt hương
Rưới các thứ hương bột

悅可眾生心

Duyệt khả chúng sanh tâm
Làm vui lòng đại chúng.

於諸眾生為最勇猛。爾時華德藏菩薩白佛言。世尊。

ư chư chúng sanh vi tối dũng mãnh. nhĩ thời hoa đức tạng Bồ-tát bạch Phật ngôn
Thế tôn .

đối với các chúng sanh là dũng mãnh nhất. Lúc bấy giờ Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch
Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

其無量德聚安樂示現國土。為在何方。佛言。

kỳ vô lượng đức tụ an lạc thị hiện quốc thổ . vi tại hà phương . Phật ngôn .
cõi nước Vô Lượng đức tụ an lạc thị hiện ấy ở tại phương nào? Phật dạy.

善男子。今此西方安樂世界。當於爾時。

thiện nam tử . kim thử Tây phương an lạc thế giới . đương ư nhĩ thời .
Thiện nam tử, nay thế giới An lạc ở phương Tây lúc trước

號無量德聚安樂示現。華德藏菩薩白佛言。世尊。

hiệu vô lượng đức tụ an lạc thị hiện . hoa đức tạng Bồ-tát bạch Phật ngôn . Thế
tôn .

tên là Vô Lượng Đức Tụ An Lạc thị hiện. Bồ-tát HOA Đức Tạng bạch Phật rằng: Bạch
Thế Tôn,

願為解說。令無量眾生得大利益。

nguyện vi giải thuyết . lệnh vô lượng chúng sanh đắc Đại lợi ích .
xin Ngài rộng diễn thuyết, khiến vô lượng chúng sanh có lợi ích lớn,

是觀世音於何國土成等正覺。世界莊嚴光明名號。

thị Quán Thế Âm ư hà quốc thổ thành đẳng chánh giác . thế giới trang nghiêm
quang-minh danh hiệu .

Ngài Quán Thế Âm ở cõi nào mà thành Đẳng Chánh Giác, danh hiệu và sự trang
nghiêm nơi thế giới ấy,

聲聞菩薩壽命所有。乃至成佛。其事云何。

thanh văn Bồ-tát thọ mạng sở hữu . nãi chí thành Phật . kỳ sự vân hà .
cùng thọ mạng của Thanh Văn Bồ-tát, cho đến thành Phật, việc ấy như thế nào?

若世尊說是菩薩先所行願。其餘菩薩聞是願已。

nhược Thế tôn thuyết thị Bồ-tát tiên sở hạnh nguyện . kỳ dư Bồ-tát văn thị
nguyện dĩ .

Nếu đức Thế Tôn nói hạnh nguyện trước kia của Bồ-tát này, thì các Bồ-tát khác
nghe rồi

必當修行而得滿足。佛言。善哉諦聽。當為汝說。

tất đương tu hành nhi đắc mãn túc. Phật ngôn. Thiện tai để thính. đương vi nhữ .
sẽ tu hành mà được đầy đủ. Phật dạy: Lành thay, hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà
nói.

對曰。唯然願樂欲聞。佛言。善男子。

đối viết . duy nhiên nguyện lạc dục văn . Phật ngôn . thiện nam tử .

Hoa Đức Tạng thưa: Vâng thưa Thế Tôn, con xin muốn nghe. Phật dạy: Thiện nam tử,

阿彌陀佛壽命無量百千億劫。當有終極。善男子。

A-di-đà Phật thọ mạng vô lượng bách thiên ức kiếp . đương hữu chung cực . thiện
nam tử .

Thọ mạng của Phật A-di-đà là vô lượng trăm ngàn ức kiếp, sẽ có lúc cùng tận.
Thiện nam tử,

當來廣遠不可計劫。阿彌陀佛當般涅槃。

đương lai quảng viễn bất khả kể kiếp 。 A-di-đà Phật đương bát Niết-Bàn 。
vào đời sau lâu xa và không thể kể số kiếp, Phật A-di-đà sẽ nhập Niết-bàn
般涅槃後。正法住世等佛壽命。在世滅後。

bát Niết-Bàn hậu 。 chánh Pháp trụ thế đấng Phật thọ mạng 。 tại thế diệt hậu 。
sau khi Niết-bàn thì chánh pháp ở đời sẽ bằng thọ mạng của Phật, sau khi chánh
pháp diệt

所度眾生悉皆同等。佛涅槃後。或有眾生不見佛者。

sở độ chúng sanh tất giai đồng đẳng 。 Phật Niết-Bàn hậu 。 hoặc hữu chúng sanh
bất kiến Phật giả 。
thì chỗ hoá độ chúng sanh đều như trước. Sau khi Phật Niết-bàn, hoặc có chúng
sanh không thấy Phật,

有諸菩薩。得念佛三昧。常見阿彌陀佛。

hữu chư Bồ-tát 。 đắc niệm Phật tam-muội 。 thường kiến A-di-đà Phật 。
có các Bồ-tát chúng đắc niệm Phật Tam-muội thì thường gặp Phật A-di-đà
復次善男子。彼佛滅後。

phục thứ thiện nam tử 。 bị Phật diệt hậu 。
Lại nữa thiện nam tử, sau khi Phật kia diệt độ,

一切寶物浴池蓮花眾寶行樹。常演法音與佛無異。善男子。

nhất thiết bảo vật dục trì liên hoa chúng bảo hành thụ 。 thường diễn Pháp âm dữ
Phật vô dị 。 thiện nam tử 。
thì tất cả vật báu, hồ tắm, hoa sen, các hàng cây báu vẫn thường diễn thuyết
pháp âm như thời Phật không khác. Thiện nam tử,

阿彌陀佛正法滅後。過中夜分明相出時。觀世音菩薩。

A-di-đà Phật chánh Pháp diệt hậu 。 quá trung dạ phân minh tướng xuất thời 。 Quán
Thế Âm Bồ-tát 。
Sau khi chánh pháp của Phật A-di-đà diệt, nửa đêm lúc ánh sáng vừa xuất hiện thì
có Bồ-tát Quán Thế Âm

於七寶菩提樹下。結加趺坐成正覺。

ư thất bảo Bồ-đề thụ hạ 。 kết gia phu tọa thành đấng chánh giác 。
ngồi kiết già dưới cây Bồ-đề bảy báu mà thành Đấng Chánh Giác,

號普光功德山王如來應供正遍知明行足善逝世間

hiệu phổ quang công đức sơn Vương Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri Minh-hạnh-Túc
thiện thế thế gian

hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hạnh
Túc Thiện Thế Thế Gian

解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế tôn 。
Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn

其佛國土自然七寶。眾妙合成莊嚴之事。諸佛世尊。

kỳ Phật quốc thổ tự nhiên thất bảo 。 chúng diệu hợp thành trang nghiêm chi sự 。

chư Phật Thế tôn 。

cõi nước Phật ấy tự nhiên có bảy báu, các vật trang nghiêm hợp lại mà thành, chư
Phật Thế Tôn

於恒沙劫說不能盡。善男子。

ư hằng sa kiếp thuyết bất năng tận 。 thiện nam tử 。

ở nơi hằng sa kiếp nói cũng không thể cùng tận. Thiện nam tử,

我於今者為汝說譬。彼金光師子遊戲如來國土莊嚴之事。

ngã ư kim giả vi nhữ thuyết thí 。 bi kim quang su-tử du hí như-lai quốc thổ
trang nghiêm chi sự 。

nay Ta sẽ vì ông mà nói thí dụ, các việc trang nghiêm nơi cõi nước của đức Kim
Quang Sư Tử Du hí Như Lai nhiều như vậy

方於普光功德山王如來國土。

phương ư phổ quang công đức sơn vương như-lai quốc thổ 。

mà cõi nước của đức Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai

百萬千倍億倍。億兆載倍。乃至算數所不能及。

bách vạn thiên bội ức bội 。

其佛國土無有聲聞緣覺之名。純諸菩薩充滿其國。

kỳ Phật quốc thổ vô hữu thanh văn duyên giác chi danh 。

Trong cõi ấy không có tên Thanh Văn Duyên Giác mà chỉ toàn là hàng Bồ-tát。

華德藏菩薩白佛言。世尊。彼佛國土名安樂耶。

hoa đức tạng bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

bi Phật quốc thổ danh an lạc da 。

Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, cõi nước Phật kia có lấy tên là An Lạc Chăng?

佛言。善男子。

Phật ngôn 。

Phật dạy: Thiện nam tử,

其佛國土號曰眾寶普集莊嚴。善男子。普光功德山王如來。隨其壽命。

kỳ Phật quốc thổ hiệu viết chúng bảo phổ tập trang nghiêm 。

thiện nam tử 。

phổ quang công đức sơn vương như-lai 。

tùy kỳ thọ mạng 。

cõi nước Phật kia hiệu là Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm. Thiện nam tử, đức Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai có thọ mạng tùy ý,

得大勢菩薩。親覲供養。至于涅槃。般涅槃後。

đắc đại thế bồ-tát 。

thân cận cung dưỡng 。

chí vu niết-bàn 。

bát niết-bàn hậu 。

Bồ-tát Đắc Đại Thế gần gũi cúng dường cho đến khi Niết-bàn. Sau khi Phật Niết-bàn

奉持正法。乃至滅盡。法滅盡已。即於其國。

phụng trì chánh pháp 。

nãi chí diệt tận 。

Pháp diệt tận dĩ 。

tức ư kỳ quốc 。

thì phụng trì chánh pháp cho đến khi chánh pháp diệt. Lúc chánh pháp diệt thì Bồ-tát Đắc Đại Thế ở nơi cõi nước ấy

成阿耨多羅三藐三菩提。

thành a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề 。

mà thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

號曰善住功德寶王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士

hiệu viết thiện trụ công đức bảo vương như-lai ứng-cúng chánh-biến-tri minh-

hạnh-túc thiện thế thế gian giải vô-thượng-sĩ

hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hạnh

Túc Thiện Thế Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ

調御丈夫天人師佛世尊。

điều ngự trượng phu thiên nhơn sư Phật thế tôn 。

Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn

Quán Thế Âm Bồ-tát Thọ Ký Kinh

- 29 -

Tuequang Foundation

如普光功德山王如來國土。光明壽命菩薩眾。

nhu phổ quang công đức sơn Vương Như-Lai quốc thổ 。 quang-minh thọ mạng Bồ-tát chúng 。

Cũng như đức Phổ Quang đức Sơn Vương Như Lai, Phật này có cõi nước trang nghiêm, thọ mạng, chúng Bồ-tát,

乃至法住等無有異。若善男子善女人。

nãi chí Pháp trụ đẳng vô hữu dị 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

聞善住功德寶王如來名者。皆得不退於阿耨多羅三藐三菩提。

văn thiện trụ công đức bảo Vương Như-Lai danh giả 。

giai đắc bất thối ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

又善男子若有女人。

hựu thiện nam tử nhược hữu nữ nhân 。

得聞過去金光師子遊戲如來。善住功德寶王如來名者。

đắc văn quá khứ kim quang Sư-tử du hí Như-Lai 。

thiện trụ công đức bảo Vương Như-Lai danh giả 。

皆轉女身。却四十億劫生死之罪。

giai chuyển nữ thân 。

khước tứ thập ức kiếp sanh tử chi tội 。

thì đều chuyển thân nữ, trừ được tội trong mười ức kiếp sanh tử,

皆不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。常得見佛。聞受正法。

giai bất thối chuyển ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thường đắc kiến Phật 。

văn thọ chánh Pháp 。

đều bất thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thường được thấy Phật, thọ lãnh chánh pháp

供養眾僧。捨此身已。出家成無礙辯。

cung dưỡng chúng tăng 。

xả thủ thân dĩ 。

xuất gia thành vô ngại biện 。

cúng dường chúng Tăng. Khi xả thân này rồi, xuất gia thành tựu vô ngại biện tài

速得總持。

速得總持。

tốc đắc tổng trì 。

mau chóng đắc pháp Tổng trì 。

爾時會中六十億眾同聲歎言。

nhĩ thời hội trung lục thập ức chúng đồng thanh tán ngôn 。

Lúc bấy giờ trong hội chúng có sáu mươi ức người đồng thanh khen ngợi rằng:

南無十方般涅槃佛。同心共議。

Nam Mô thập phương bát Niết-Bàn Phật 。

đồng tâm cộng nghị 。

Nam mô thập phương Niết-bàn Phật cùng nhau bàn luận

發阿耨多羅三藐三菩提。佛即受記當成阿耨多羅三藐三菩提。

phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 Phật tức thọ kí đương thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Được Phật thọ kí Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

復有八萬四千那由他眾生。遠塵離垢。

phục hữu bát vạn tứ thiên na-do-tha chúng sanh 。 viễn trần ly cấu 。

於諸法中得法眼淨。七千比丘漏盡意解。

ư chư Pháp trung đắc Pháp nhãn tịnh 。

爾時觀世音及得大勢菩薩。即以神力。

nhĩ thời Quán Thế Âm cập đắc Đại thế Bồ-tát 。

令此眾會悉見十方無數諸佛世尊。

lệnh thử chúng hội tất kiến thập phương vô số chư Phật Thế tôn 。

皆為授其阿耨多羅三藐三菩提記。見已歎言。甚奇世尊。

giai vi thụ kỳ a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề kí 。

đang thọ kí đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho hai vị Bồ-tát, thấy rồi bèn khen ngợi rằng: Kỳ lạ thay Thế Tôn,

是諸如來為此大士授如是記。

thị chư Như-Lai vi thử Đại sĩ thụ như thị kí 。

爾時華德藏菩薩白佛言。世尊。若善男子善女人。

nhĩ thời hoa đức tạng Bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, nếu thiện nam tử thiện nữ nhơn

於此如來甚深經典。受持讀誦。解說書寫。廣宣流布。

ư thử Như-Lai thậm thâm Kinh điển 。

ở nơi kinh điển thâm sâu vi diệu của như Lai mà có thể thọ trì đọc tụng, biên chép giải nói, lưu bố rộng rãi,

得幾所福。唯願如來分別解說。何以故。

đắc ki sở phúc 。

當來惡世薄德眾生。於此如來甚深經典。而不信受。

đương lai ác thế bạc đức chúng sanh 。

vì chúng sanh ít phước đức trong đời ác sau không tin thọ kinh điển thâm sâu vi diệu này của Như Lai,

以是因緣。長夜受苦難得解脫。世尊。

dĩ thị nhân duyên 。

do nhân duyên này mà mãi mãi chị khổ khó được giải thoát. Bạch Thế Tôn,
唯願說之。憐愍利益諸眾生故。世尊。

duy nguyện thuyết chi 。 liên mẫn lợi ích chư chúng sanh cổ 。 Thế tôn 。
xin Ngài diễn nói, vì thương xót làm lợi ích cho chúng sanh. Bạch Thế Tôn,
今此會中多有利根善男子善女人。於當來世而作大明。

kim thử hội trung đa hữu lợi căn thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 u đương lai thế
nhi tác Đại minh 。
nay trong hội này có rất nhiều thiện nam tử thiện nữ nhơn căn tánh lanh lợi, sẽ
làm ánh sáng lớn cho đời sau

佛言。華德藏。善哉諦聽。當為汝說。對曰受教。

Phật ngôn 。 hoa đức tạng. Thiện tai để thính. đương vi nhữ. đối viết thọ giáo 。
Phật dạy: Nay Hoa Đức Tạng, lành thay hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói. Hoa
Đức Tạng thưa: Vâng

願樂欲聞。佛言。若善男子。

nguyện lạc dục văn 。 Phật ngôn 。 nhược thiện nam tử 。
con xin muốn nghe. Phật dạy: Nếu có thiện nam tử

以三千大千世界一切眾生置兩肩上。盡其形壽隨所須欲。

dĩ tam Thiên Đại Thiên thế giới nhất thiết chúng sanh trí lượng kiên thượng 。
tận kỳ hình thọ tùy sở tu dục 。
ánh hết tất cả chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới lên cả hai vai cho
đến hết đời, tùy theo chỗ ưa muốn của chúng sanh

衣食臥具床褥湯藥。而供養之。所得功德。

y thực ngọa cụ sàng nhục thang dược 。 nhi cung dưỡng chi 。 sở đắc công đức 。
như thức ăn y phục thuốc thang mềm nệm mà cúng dường đầy đủ, thì công đức có
được

寧為多不。甚多世尊。若以慈心。

ninh vi đa bất 。 thậm đa Thế tôn 。 nhược dĩ từ tâm 。
có nhiều không? Thưa Thế Tôn rất nhiều, nếu đem tâm từ bi

供一眾生隨其所須。功德無量。何況一切。佛言。

cung nhất chúng sanh tùy kỳ sở tu. công đức vô lượng. hà hưởng nhất thiết. Phật
ngôn 。

cung cấp chỗ cần dùng cho một chúng sanh thì công đức đã vô lượng hưởng là tất
cả chúng sanh. Phật dạy:

若善男子善女人。於此經典。受持讀誦解說書寫。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 u thử Kinh điển 。 thọ trì đọc tụng giải
thuyết thư tả 。

nếu thiện nam tử thiện nữ nhơn thọ trì đọc tụng giải nói biên chép kinh điển
này,

種種供養廣宣流布。發菩提心。所得功德。

chủng chủng cung dưỡng quảng tuyên lưu bố 。 phát Bồ-đề tâm 。 sở đắc công đức 。
dùng các thứ để cúng dường, lưu hành rộng rãi, phát tâm Bồ-đề, khi công đức có
được

百千萬倍不可為譬。華德藏菩薩白佛言。世尊。

bách thiên vạn bội bất khả vi thí. hoa đức tạng Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.
là gấp trăm ngàn vạn lần không thể ví dụ. Bồ-tát Hoa Đức Tạng thưa rằng: Bạch
Thế Tôn

我從今日。於此如來所說經典。

ngã tòng kim nhật 。 ư thử Nhu-Lai sở thuyết Kinh điển 。
từ hôm nay trở đi, con sẽ thọ trì đọc tụng giải nói biên chép và rộng lưu bố
kinh điển của Nhu Lai thuyết giảng,

及過去當來三佛名號。常當受持讀誦解說書寫廣宣流布。

cập quá khứ đương lai tam Phật danh hiệu 。 thường đương thọ trì đọc tụng giải
thuyết thu tả quảng tuyên lưu bố 。

cùng danh hiệu của chư Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, phải nên thọ
trì đọc tụng giải nói biên chép lưu hành rộng rãi.

遠離貪恚癡心。發阿耨多羅三藐三菩提。

viễn li tham khuê si tâm 。 phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

xa lìa tham sân si, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

終不虛妄。世尊。我成佛者。若有女人聞如是法。

chung bất hư vọng 。 Thế tôn 。 ngã thành Phật giả 。 nhược hữu nữ nhân văn như thị
Pháp 。

trọn không hư dối 。 Bạch Thế Tôn, khi con thành Phật, nếu có người nữ nào nghe
pháp như vậy

現轉女身。轉女身已。當為授記。

hiện chuyển nữ thân 。 chuyển nữ thân dĩ 。

đương vi thọ kí 。

thì sẽ chuyển được thân nữ, chuyển thân nữ rồi con sẽ thọ kí cho họ

得阿耨多羅三藐三菩提。

đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

號曰離垢多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀。說是經已。華德藏菩薩摩訶薩。

hiệu viết ly cấu đa đà a đà độ a la ha tam miểu tam Phật đà 。

thuyết thị Kinh dĩ 。

。 hoa đức tạng Bồ-tát Ma-Ha tát 。

hiệu là Ly Cấu Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Lúc Phật nói kinh này rồi thì
Hoa Đức Tạng Bồ-tát

及諸比丘比丘尼菩薩聲聞。

cập chư Tỳ-kheo Tỳ-kheo ni Bồ-tát thanh văn 。

và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Bồ-tát, Thanh Văn,

天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人

Thiên Long dạ xoa Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la già nhân
phi nhân

Trời, Rồng Dạ-Xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già
người và chẳng phải người...

等。聞佛所說。皆大歡喜。

đẳng 。

văn Phật sở thuyết 。

giai Đại hoa hi 。

nghe Phật nói rồi, đều hoa hỷ phụng hành.

觀世音菩薩授記經

Quán Thế Âm Bồ-tát Thọ Ký Kinh

Quán Thế Âm Bồ-tát Thọ Ký Kinh.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:03:50 2006

=====